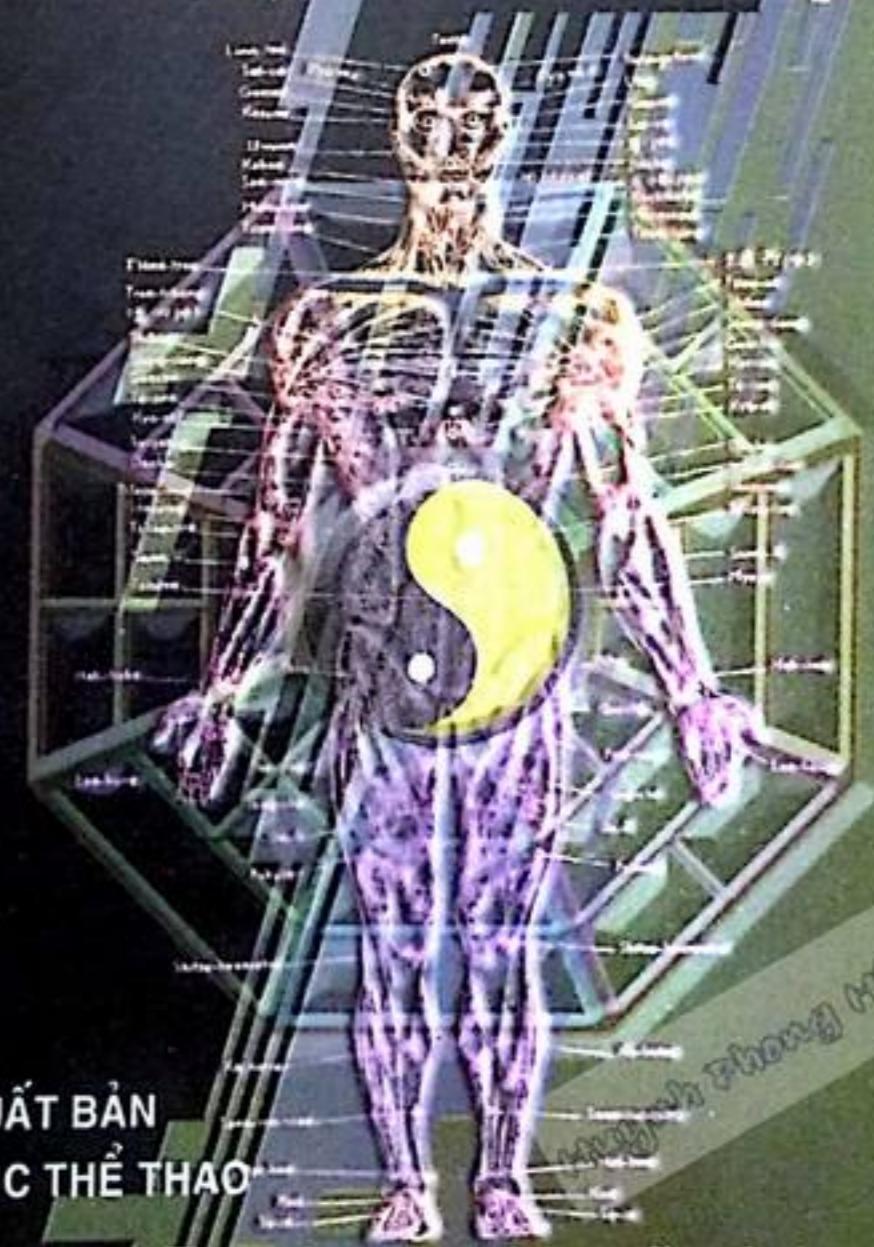


HỒNG LINH  
biên soạn

Phong Hiền- SG 29/02/2019

# VÕ HỌC THIẾU LÂM TẬP & PHÉP ĐIỂM HUYỆT



NHÀ XUẤT BẢN  
THỂ DỤC THỂ THAO

Facebook: chia sẻ sách võ thuật

Phát hành tại:

NHÀ

494 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.3 - TP.HCM - ĐT: 0300-021111  
56A Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: 04.820.1111

Giá: 9.500 ₫

NXB TDTT

NGHỆ THUẬT VÕ HỌC  
VÀ PHÉP ĐIỂM HUYỆT

HỒNG LINH

Biên Soạn

NGHỆ THUẬT VÕ HỌC

VÀ PHÉP ĐIỂM HUYỆT

QUY TẮC THI ĐẤU VÀ TỰA KHẨU

PHÉP ĐIỂM HUYỆT

CÁCH SỬ DỤNG PHÉP ĐIỂM HUYỆT

# VÕ HỌC THIẾU LÂM TỰ

&  
**PHÉP ĐIỂM HUYỆT**

NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO  
HÀ NỘI



# VÕ HỌC THIẾU LÂM TỰ & PHÉP ĐIỂM HUYỆT

## NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO

Số 7 Trịnh Hoài Đức - Hà Nội

ĐT: 8456155 - 8437013

Chi nhánh: 48 Nguyễn Đình Chiểu - Q.I

ĐT: 8298378

### CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN PHI TRỌNG HANH

Biên tập : Văn Bình

Trình bày : HoaNien Design

Số đăng ký KHXB : 107A KH/TDTT - 1336/CXB-QLXB  
ngày : 12-11-2002. Số lượng : 1000 cuốn, khổ : 13x19

In tại : Xí nghiệp in Tân Bình.

In xong và nộp lưu chiểu Quý I-2004

### LỜI GIỚI THIỆU

Trong quyển sách Thiếu Lâm Tự Học - chúng tôi đã trình bày một số thể võ phòng thủ - tấn công. Những thế này tạo nên căn bản cho các bạn tự học võ và nghiên cứu. Tuy nhiên người luyện tập võ thuật Thiếu Lâm không phải chỉ đánh theo các thế mà thôi. Phương pháp tập luyện võ cùng gian nan, nghĩa là người luyện võ muốn thành công phải luyện tập với đầy đủ ý chí và nghị lực.

Học nhiều thế võ mới là rất tốt, nhưng phải sử dụng thật đúng, nhanh, mạnh mới có thể chiến thắng được đối phương. Võ Thiếu Lâm bao gồm cả nội công và ngoại công, nội quyền và ngoại quyền. Cách đánh các huyệt đạo và nhất là phương pháp trị liệu.

Đã mấy ngàn năm qua, người Trung Quốc đã chuyên tâm luyện võ, gian khổ hiểm nguy để thử thách sức con người và vạn vật. Phương pháp chiến đấu ngày càng tiến bộ. Trong nghề võ càng tìm hiểu và học hỏi nhiều mới mong đạt được thắng lợi. Vì thế, người Trung Quốc chuyên tâm vào nghiên cứu về Nhân Thần, huyệt đạo với kinh nghiệm đã được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Họ cũng đã nghiên cứu ra những bài thuốc quý hiếm để trị thương do đối phương gây ra.

Tóm lại, học võ từ lúc chưa biết gì đến khi đã thành thạo và trở thành những danh sư thì phải trải qua những giai đoạn

*luyện tập về: khí công - nội công - tẩm thuốc v.v...*

*Luyện cách chiến đấu để hạ đối phương, ngoài ra phải luyện cách trị thương cho chính mình.*

*Ở đây các thế võ dùng để đả thương các huyệt đạo, các thế đánh đều nhắm vào 1 huyệt đạo mà đánh.*

*Cuốn sách này chỉ mang tính chất nghiên cứu, mong các bạn đọc giả và các vị võ sư chỉ dạy thêm cho những khuyết điểm.*

Hồng Lĩnh

## CHƯƠNG I QUYỀN PHÁP



## NHẬP NỘI

Vì đây là quyển sách viết cho người ít nhiều đã am tường về võ học Thiếu Lâm, nên hình vẽ đã trở thành vấn đề không còn quan trọng nữa.

Nhập nội là một thế đánh bằng chỏ (chủ yếu), gối v.v... thật nguy hiểm. Khi đối phương tấn công ta bằng 1 đòn cước qua trước mặt. Ta nghiêng người đưa chân trái lên, chân phải rút về sau ở thế Lập Tấn. Hai tay ban đầu để trên 2 đùi, che 2 cạnh sườn. Khi đối phương đá tạt qua nhanh và mạnh bằng chân phải, ta rùn chân trái xuống, tay phải đồng thời khoát qua 1 vòng từ trái qua phải che từ trên và vòng xuống bắt chân đối phương, chân phải ta bước lên Trung Bình Tấn chèn vào 2 chân đối phương. Cánh chỏ bên phải đưa lên đánh vào hạ bộ đối phương.

Phòng thủ: Với đòn đá ngang của đối phương, ta nên coi chừng đó là một cú đá hờ, để rồi rút chân lại đá Lạc Mã ra bằng chân kia hoặc đá chân đó qua rồi giật gót lại vào chấn thủy ta.

## ĐỘC CƯỚC

Chân dùng trong bộ cước Câu Liêm Thương đã có giải ra trong quyển Thiếu Lâm Tự học.

Chân Câu Liêm Thương lúc ta đấu với đối phương, dùng chân móc gót chân tấn của đối phương làm cho hắn té. Chân Độc Cước là ta vừa móc chân Câu Liêm Thương cho đối phương loạng choạng té, vừa co chặt 5 ngón chân lại, dùng cạnh chân đá thẳng vào chấn thủy của đối phương.

## TAY HẦU THỦ

Phép đánh tay Hầu Thủ lấy ở bài Hầu Quyền. Trong bản huyệt đạo có ghi rõ các huyệt độc, người tập nên chú ý đề phòng. Việc ghi rõ các huyệt đạo hầu giúp cho người học võ lo thủ kín những nơi ấy. Đồng thời nếu có bị thương thì cũng có thể chữa trị dễ dàng.

Luyện tay Hầu Thủ ngoài những cách đánh thường còn có những cách sau:

- Lấy cái lon nhỏ cho đầy cát vào, mỗi buổi sáng (hoặc khi nào có thời gian trống) cùng 2 bàn tay - chìa 10 ngón ra úp lấy cái lon đỡ lên đỡ xuống càng lâu càng tốt.

## TAY ƯNG TRẢO CÔNG

Ưng Trảo Công là một bộ tay phải luyện tập thật nhanh nhẹn (cũng gần như tay Hầu Thủ), và đánh vào trung bộ của đối phương rất thuận lợi.

*Cách luyện tập:* Mỗi lúc có thời gian trống, ta đưa tay trái 1 vòng từ phải sang trái (bàn tay cong lại lòng bàn tay hướng lên). Lúc gần đến mặt thì chuyển khí về tụ ở cổ tay rồi xòe ra 5 ngón đánh phồng ra trước ngực. Cứ liên tiếp chuyển tay đánh tới. Khi đối phương phồng thủ thì ta vào đòn, ta dùng cổ tay để gạt tay đối phương rồi phồng 5 ngón tay vào đối phương. Ban đầu tay Ưng Trảo Công luyện 10 đầu ngón tay đánh vào bao cát.



## TAY THÁM TRẢO

Tay Thám Trảo thường đánh 2 bên sườn và hạ bộ đối phương. Thường khi đối phương tiến tới tấn công ta, nếu ta đứng chân trước mặt lập tức chuyển tay trái đánh vào huyệt (huyệt khí Huyết Trung) còn tay phải đánh vào Tiểu Trường của đối phương.

Nhớ lúc đánh dùng Đinh Tấn. Tay Thám Trảo lúc đánh tay trái nghiêng mình tối trước, tay phải là đòn dứt điểm. Dùng tay phải đấm xuống Tiểu Trường đánh thật nhanh và mạnh, nhưng đây là thế độc không nên dùng để hại người.

## ĐÁ NGHỊCH LÂN

Đối phương tấn công quá nhanh và mạnh, ta lập tức nghiêng mình bỏ chân trước ra sau (chân phải).

Xoay người thành Đinh Tấn, dùng gót chân trái chấn vào hoặc đá vào huyệt đầu gối đối phương.

## TAY CƯƠNG ĐAO PHẠT MỘC

Dùng tay Cương Dao Phật Mộc để đánh vào các yếu điểm của đối phương như: huyệt Huyền Cơ ở cuống họng hay huyệt Phụng Vai ở xương đòn gánh. Nếu đối phương đánh vào mặt ta, ta liền đưa tay chém vào cổ tay đối phương để đỡ đòn. Đồng thời dùng cạnh bàn tay phạt nhanh vào các huyệt đã nói trên với thế Tam Xích Kiếm Trảm Thanh Xà.

## TAY SONG CHỈ

Dùng 2 ngón tay luyện cứng đánh vào hai bên huyệt Quái Bảng nơi gần bọng đái đối phương. Đòn đánh này rất độc nên chỉ để phòng chứ không dùng để hại người.

## LIÊN HOÀN CƯỚC

1 - Câu Liêm Thương.

2 - Lạc Mã.

3 - Thanh Xà Đoạt Ngọc.

*Ghi chú:* Chân Câu Liêm Thương dùng để móc vào chân đối phương, chân Lạc Mã xoay người đá gót vào rốn (tử huyệt) của đối phương còn chân Thanh Xà Đoạt Ngọc lăn người 1 vòng khi đang nằm dưới đất đá chân phải vào hạ bộ của đối phương. Khi đá hụt dùng chân Câu Liêm Thương tạt gót vào đùi hay đạp gót lên mu bàn chân đối phương.

## TAY SONG ĐAO (SONG CHÙY)

Đứng yên chờ đối phương tấn công cả 2 tay đến một lúc, ta chap cả 2 bàn tay lại xỉa từ dưới lên đỡ vét 2 tay đối phương ra. Đồng thời, nắm chặt 2 nắm tay lại đánh vào 2 bên sườn non, đó là 2 huyệt Tiên Nhơn Đoạt Án và Bi Cốt. Thế đánh này rất nguy hiểm, người bị trúng đòn ở sườn sẽ bị nóng lạnh trong 1 khoảng thời gian dài và biến chứng của nó là thó huyệt có thể dẫn tới tử vong.

## DIỆM VƯƠNG ĐOẠT ÁN

Khi đối phương tấn công ào ạt, ta đứng xoay người lại dùng cánh chỏ trái đánh vào huyệt Khí Môn, tiếp theo xoay người lại đánh tạt tay phải vào cổ đối phương. Thường thì chỉ dùng chỏ đánh vào huyệt Khí Môn, đối phương sẽ ngã và có thể làm nguy hiểm đến tính mạng hắn.

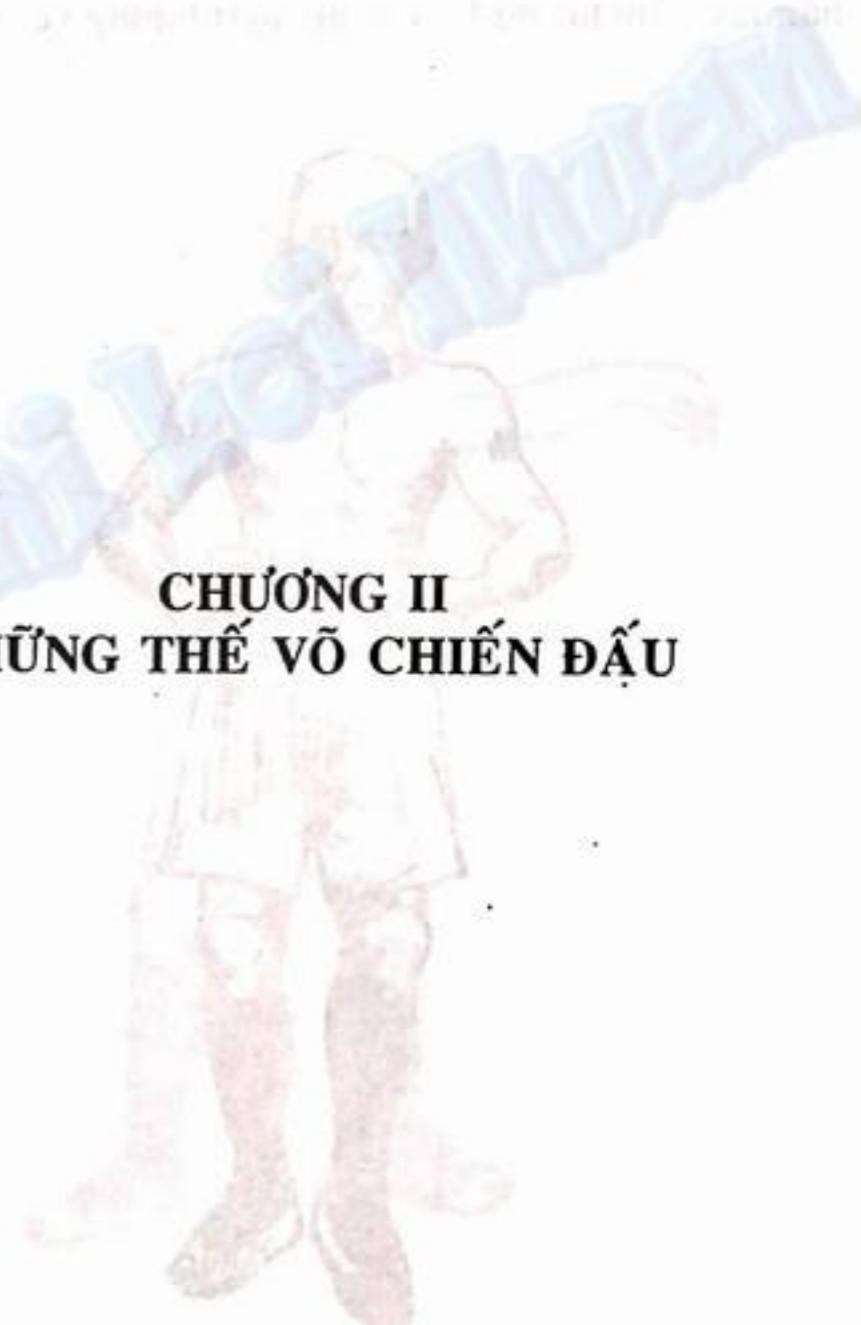


## SONG LONG CƯỚC

Tấn công đối phương bằng 2 gót chân phóng thẳng vào 2 bên sườn non.

Tập thế này dùng 1 cây tre dài nấm chặt 2 tay vào thân tre chống xuống đất vào đồng thời tung mình lên đá vút 2 gót chân ra trước mặt.

## CHƯƠNG II NHỮNG THẾ VÕ CHIẾN ĐẤU



**1 - BÀO QUYỀN DỰ BỊ**

Đứng thẳng người Lập Tấn, hai chân đứng khích, hai bàn tay nắm lại để bên hông, mặt hướng về trước (H.1).



Hình.1

**2 - ĐẠI BÀNG TRIỂN CÁNH**

Người thẳng, hai chân dang rộng bằng vai. Hai tay đưa thẳng ra 2 bên, 2 bàn tay chụm lại (theo thế Chim Đại Bàng Chớp Cánh), lúc đó hướng mặt về bên phải (H.2).



Hình.2



### 3 - SONG PHỤNG TRIỀU DƯƠNG

Hai tay cung tròn lại và đưa lên ngang mặt, nắm lại, mặt hướng về trước (H.3).



Hình.3

### 4 - HẦU NHI BÁT HỔ

Xoay người bên trái, rùn người xuống thấp. Hai chân đứng Trảo Mã Tấn, chân trái bước tới hơi ngang, chân phải thấp hơn chân trái, trụ xuống. Đồng thời, tay đưa thẳng tới trước uốn bàn tay lên. Co ngón tay cái và xòe bốn ngón kia ra, tay trái đưa thẳng ra trước, xuống dưới. Mặt hướng về phải (H.4).

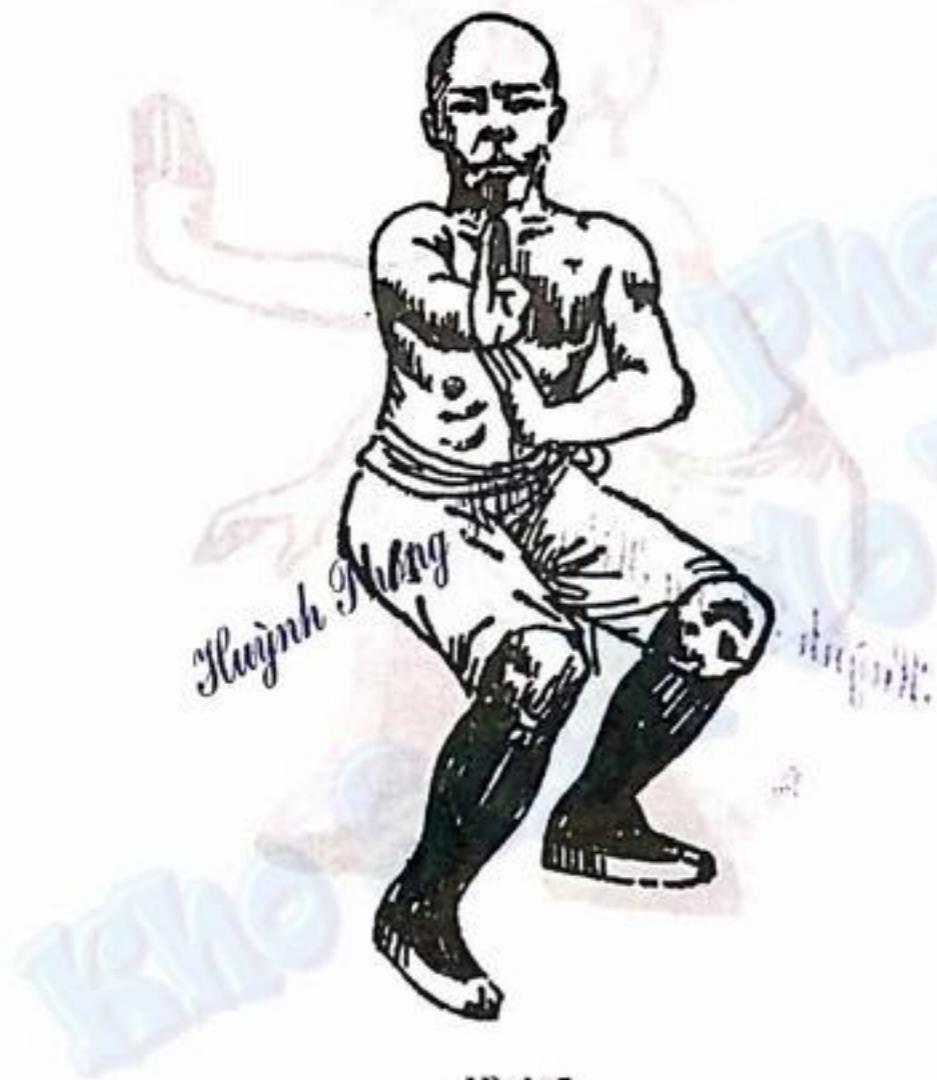


Hình.4



## 5 - HẮC HỔ TÁN DƯƠNG

Xoay người qua bên trái, hai chân đứng giữ 2 thế tấn là Trung Bình Tấn và Đinh Tấn. Không phải nhất định 1 trong 2 thế tấn đó. Chân phải bước tới bàn chân hơi ngang, chân sau (chân trái) cũng ngang như chân trước. Tay phải đưa tới nhưng hơi co lại, bàn tay dựng đứng xoay cạnh bàn tay vào trong, xòe 4 ngón tay thẳng lên và co ngón tay cái lại, tiếp theo bàn tay trái xòe ra, mặt hướng tới trước (H.5).



Hình.5

## 6 - HẢO SỰ KHAI KHẨU

Xòe giữa bàn tay phải xuống gần đầu gối, mặt nhìn xuống bàn tay (H.6).



Hình.6



## 7 - THANH LONG THỔ CHƯỞNG

Tay phải lại đưa thẳng ra, xòe bàn tay uốn đứng lên và co ngón tay cái, lòng bàn tay phải đưa tới trước (H.7).



Hình.7

## 8 - BÀN LONG ĐÀO NGUYỆT

Xoay mình từ bên trái sang bên phải, rùn mình thật thấp, chân phải tréo lên chân trái, đứng thế Bộ Xà Tấn. Đồng thời tay trái xòe ra và đưa ra nhưng hơi cong vó. Tiếp theo tay phải vịn vào cổ tay trái, mặt hướng về phía bàn tay trái (H.8).



Hình.8

**9 - TRIỆT TÂM QUYỀN**

Đứng xoay người từ phải qua 1/2 bên trái. Chân trái bước tới bộ Đinh Tấn. Đồng thời tay phải cung và đánh tới, tay trái co lại khép nách trái, mặt hướng về trước (H.9).



Hình.9

**10 - BÀNG LONG ĐQAT BÁU**

Xoay người qua bên trái và nhún mình thật thấp, chân trái chéo lên chân phải thành bộ Xà Tấn. Đồng thời, tay phải cung lại đánh thốc từ dưới lên trên. Tiếp theo tay trái vịn vào cổ tay phải, mặt hướng về phía tay phải (H.10).



Hình.10



### 11 - TUNG MÃ BIÊN

Đưa chân phải ra trước và rùn xuống, bước ngang thành bộ Trung Bình Tấn, đồng thời lật ngửa bàn tay phải. Tay trái đỡ dưới mu bàn tay phải. Ngón cái của tay trái để vào lòng bàn tay phải. Tiếp theo, 2 cánh tay khuỳnh lại và gạt băng ngang qua bên phải (H.11).



Hình.11

### 12 - PHỤC THÂN ĐÃ HỔ

Hai tay cong lại và đưa thẳng xuống đất. Đồng thời, 2 chân đứng giữa 2 lối tấn Trung Bình Tấn - Đinh Tấn. Mặt nhìn xuống đất (H.12).



Hình.12

**13 - YẾN TỬ QUI TRIỀU**

Xoay người qua bên trái, đứng thẳng lưng. Ngả qua bên trái thành bộ Đinh Tấn, đồng thời 2 tay hơi cong, bàn tay cung lại bàn tay phải uốn cong lên. Mặt hướng về tay trái (H.13).



Hình.13

**14 - ĐÁO GIÁ KIM CÂU**

Xoay người qua bên phải cúi mình xuống dưới, tay phải nắm lại và đưa thẳng xuống thành bộ Trung Bình Tấn. Đồng thời, tay trái xếp vuông lại bàn tay xòe ra để gầm vai phải (H.14).



Hình.14

**15 - PHI TÂM THỐI**

Đứng thẳng lưng, chân trái đá ra, tay trái cung lại để sát bụng, tay phải cung và co lại sát hông phải (H.15).



Hình.15

**16 - PHỤC HỔ TẢO ĐƯƠNG**

Thân mình lùi lại phía sau phục sát đất, chân trái quì xuống nhưng gối không sát đất, chân phải duỗi thẳng ra trước, bàn chân để ngang. Mặt hướng tới trước (H.16).



Hình.16



### 17 - LIÊN HUÂN TÁO ĐƯỜNG

Xoay mình sang trái, thân mình phục sát đất như thế "Phục Hồ Táo Đường", nhưng đầu chân phải co vào, đồng thời tay trái đưa ra trước mặt nhưng uốn cong như hình vuông bàn tay trái uốn thẳng lên (H.17)



Hinh.17

### 18 - CẨM NÁ TÁO ĐƯỜNG

Xoay người qua bên trái, thân mình phục sát đất, hai chân như thế "Phục Hồ Táo Đường". Đồng thời 2 bàn tay khẽ ra và uốn đứng lên, mặt hướng về trước (H.18).



Hinh.18



### 19 - MÃ THƯỢNG CUNG KHAI

Đứng lên nhưng lưng hơi cúi xuống, hai tay cung lại. Tay trái đánh tới, tay phải co sát cầm, chân đứng thành bộ Trung Bình Tấn (H.19).



Hình.19

### 20 - HỒI MÃ XUNG QUYỀN

Xoay người 1/3 sang bên trái, thân mình thẳng đứng thành bộ Trung Bình Tấn. Đồng thời tay phải co lại và đấm tới, tay trái cung và co vào sát cầm (H.20).



Hình.20

**21 - BÁ VƯƠNG PHONG HẦU**

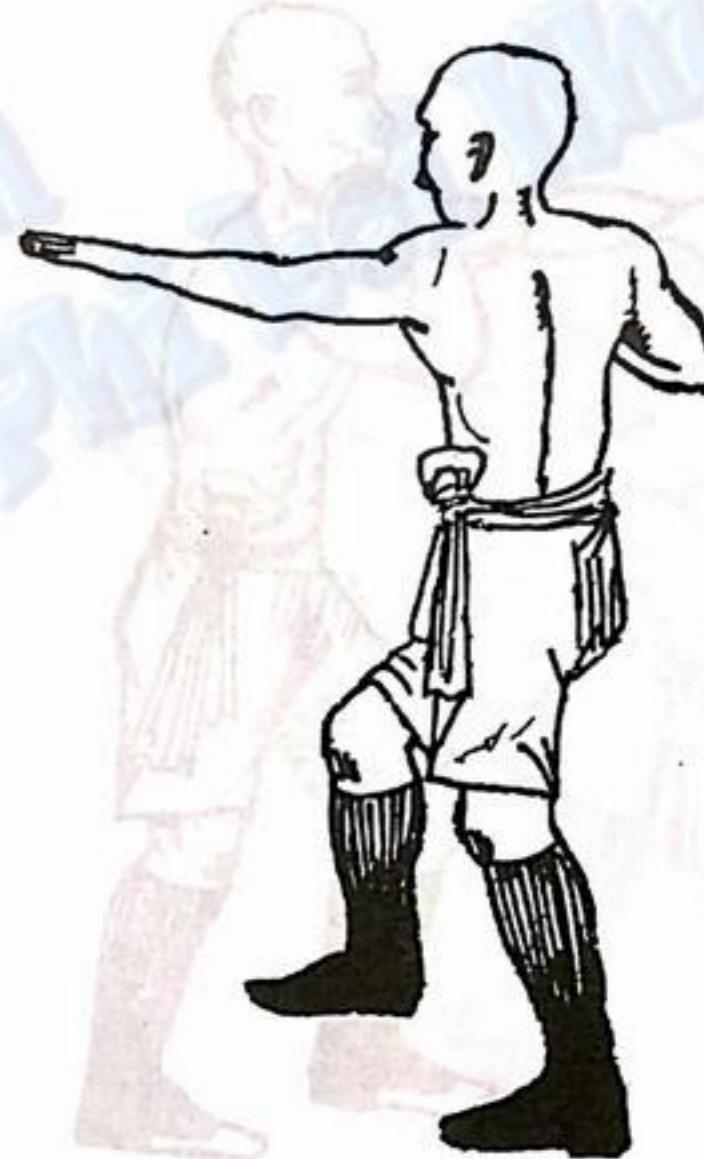
Xoay người qua bên phải, tay phải gạt ngang bàn tay xòe ra và hơi co, tay trái vịn vào chỏ tay phải. Đồng thời đứng ở 2 thế tấn Trung Bình Tấn - Đinh Tấn (H.21).



Hình.21

**22 - LONG THƯƠNG CHÂU**

Không xoay mình, nhưng đứng thẳng Đinh Bộ. Tay trái xòe và đánh tới trước, tay phải cung và co vào sát nách phải (H.22).



Hình.22

### 23 - ĐƯƠNG ĐẦU PHÁO

Đứng như thế Long Thương Châu, nhưng tay phải đấm tới, bàn tay không cung mà co mấy ngón tay như vuốt cọp tay trái vịn chỗ phải (H.23).



Hình.23

### 24 - LƯỢNG LÝ KIỂM SÀI

Không xoay mình nhưng phục thân sát đất, tay phải xòe ra và đưa thẳng xuống, tay trái xòe và uốn đứng để sát vai phải (H.24).

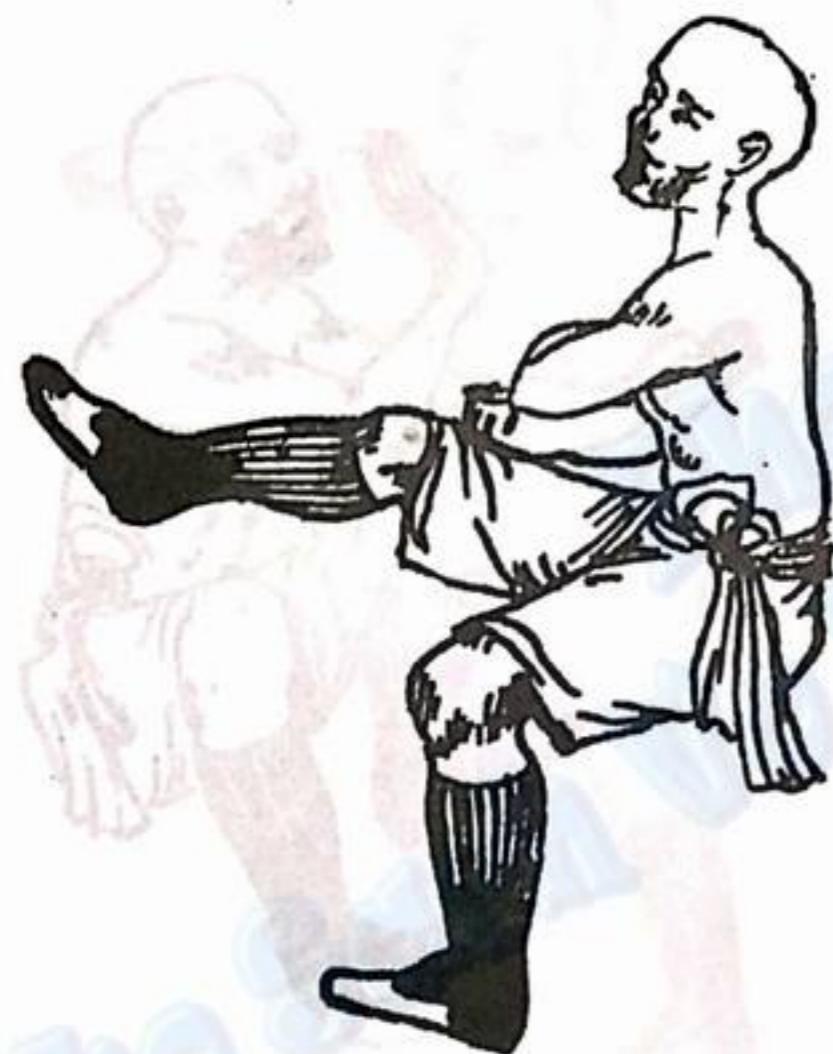


Hình.24



## 25 - DÂU ĐÒ THỐI

Đứng lên và chân trái rùn xuống, chân phải đá tối. Đồng thời, bàn tay trái cung, cánh tay áp sát bụng, tay phải cung lại và đe sát hông phải (H.25).



Hình.25

## 26 - LIÊN HƯỜN THỐI

Xoay người qua bên phải, chân trái đá tối. Tay phải cung và xếp cánh tay để sát bụng, tay trái cung lại để sát hông trái, mặt hướng về trước (H.26)



Hình.26



## 27 - BÀNG LONG HIỆN QUA

Rùn mình xuống thấp, cân trái chéo lên chân phải thành bộ Xà Tấn. Đồng thời 2 bàn tay xòe ra và đâm tới, nhưng co 2 cánh tay lại, mặt hướng tới trước (H.27).



Hình.27

## 28 - BỒ LONG BIÊN

Đưa chân phải ra và bước sang ngang thành bộ Trung Bình Tấn. Đồng thời lật ngửa bàn tay phải và tay trái bợ dưới bàn tay phải. Hai cánh tay cong và gạt băng qua bên phải (H.28).



Hình.28



### 29 - ĐĂNG XUNG QUYỀN

không xoay mình, chân trái bước tới thành bộ Trung Bình Tấn. Đồng thời bàn tay phải xòe ra, uốn đứng lên, tay trái cung lại co về nách. Mặt hướng về phía bàn tay phải (H.29).



Hinh.29

### 30 - Ô VÂN TRÁC ĐỈNH

Xoay người qua bên phải, chân phải bước tới, chân trái duỗi ra sau thành bộ Trung Bình Tấn. Đồng thời, tay phải cung và gạt ngang từ trái qua phải, cánh tay phải hơi cong còn tay trái vịn vào cổ tay phải (H.30).



Hinh.30



### 31 - BÌNH XUNG QUYỀN

Xoay người qua trái 1/3 (tức là trở về phía trước), chân trái bước tới bàn chân hơi ngang thành bộ Trung Bình Tấn. Tay phải cung và đánh tới, tay trái co vào sát nách. Mặt hướng về trước (H.31).



Hình.31

### 32 - HẦU NHÌ HÁI ĐÀO

Không xoay người, nhưng chân phải bước tới. Bộ tấn đứng giữa 2 lối tấn là Tẩu Mã và Đinh Tấn. Đồng thời tay phải xòe ra và uốn cong xuống, cánh bàn tay đứng và thọc tới, cánh tay hơi co. Tay trái vịn eo chỏ phải (H.32).



Hình.32



### 33 - THÂN TAM TẤU

Chân phải xoay từ phải qua 1/3 bên trái, rùn mình xuống thấp, lưng cúi tối thành bộ Trung Bình Tân. Đồng thời co chỏ phải và thúc tối, bàn tay trái vịn vào cánh tay phải (H.33).



Hình.33

### 34 - LIÊN HƯỜI TẤN

Xoay người 1/2 vòng từ phải qua trái, nhưng chỏ trái thúc qua bên phải thành bộ Trung Bình Tân (H.34).



Hình.34



### 35 - LONG MA PHONG BÊ

Xoay người 1/2 vòng từ trái qua phải. Đứng Trung Bình Tấn, đồng thời tay phải co vuông với bàn tay phải chum lại và co xuống, bàn tay trái xòe ra nhưng co ngón tay cái. Cánh tay đưa hơi cong (H.35).



Hình.35

### 36 - THIẾT LONG QUAN TƯỢNG

Xoay người 1/2 vòng từ trái qua phải. Đứng bộ Trung Bình Tấn, đồng thời cánh tay phải đưa xéo xuống dưới tay trái, bàn tay trái xòe và uốn đứng, cánh tay trái hơi cong, bàn tay xòe uốn lật ngang, mặt hướng về phía tay trái (H.36).



Hình.36



### 37 - THUẬN PHONG TRI CỜ

Xoay người từ trái qua phải 1/3 vòng, đứng bộ Trung Bình Tấn, hạ tay trái xuống gối trái, bàn tay chum lại và co ngón cái. Đồng thời tay phải xô tới (H.37).



Hình.37

### 38 - THIẾT LƯNG QUAN TƯỢNG

Xoay người 1/3 vòng từ trái qua phải, bước tới đồng thời 2 tay thủ thế Thiết Long Quan Tượng (H.38).



Hình.38



### 39 - LA HÁN DIỆN HỔ

Xoay người 1/2 vòng từ trái qua phải, đồng thời tọa sát đất. Hai chân quì vạt ra và 2 cánh tay xếp lại và xòe lật ngửa (H.39).



Hình.39

### 40 - BÀO QUYỀN HƯỜN NGUYÊN

Đứng lên Lập Tấn, hai tay cung lại và để sát 2 bên hông, mặt hướng tới trước (H.40).

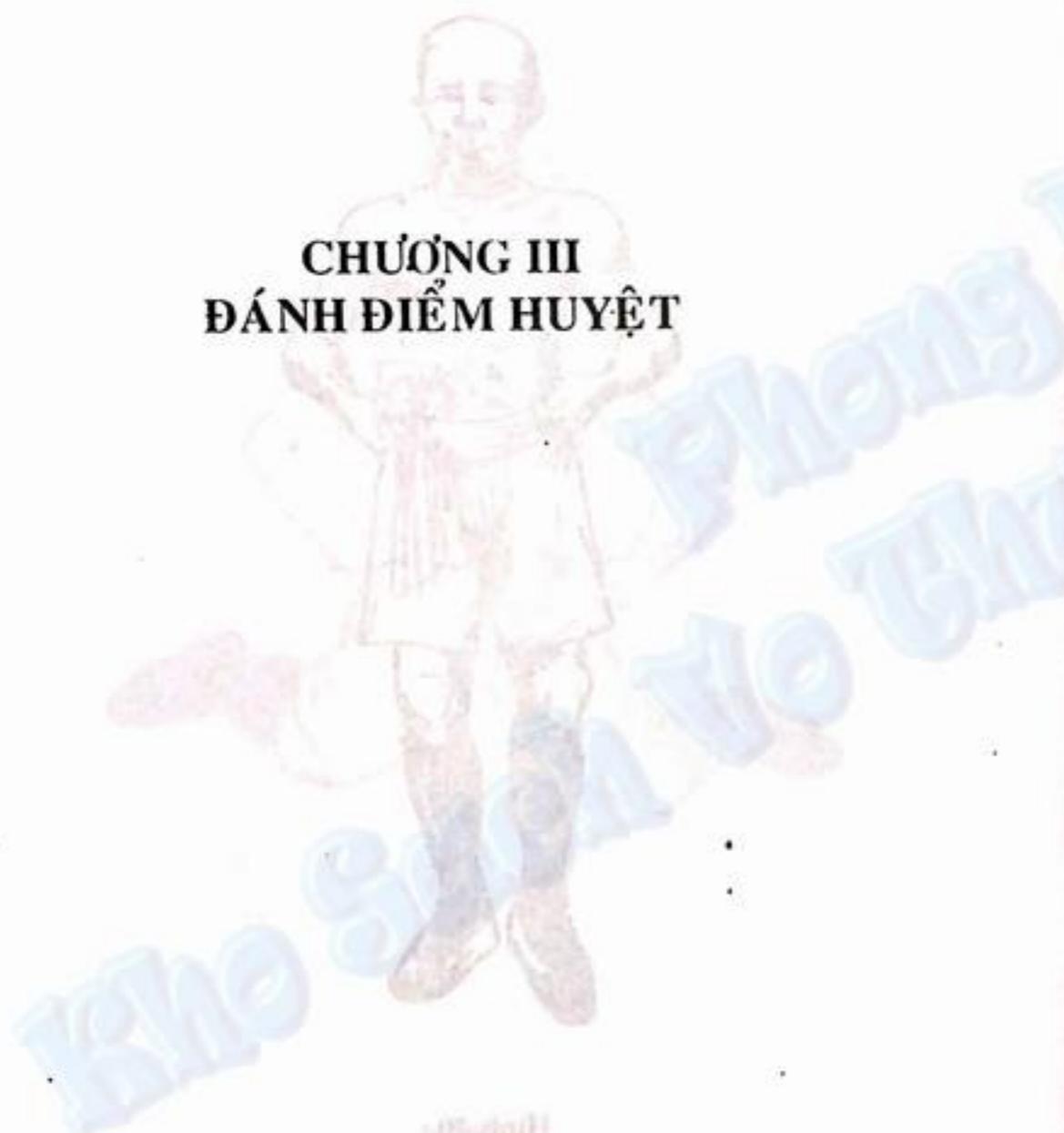
Quay về Bao Quyền Dự Bị (tư thế 1).



Hình.40



### CHƯƠNG III ĐÁNH ĐIỂM HUYỆT



### ĐỒNG TỬ BÁI QUAN ÂM

Cách đánh: Đứng yên thủ thế Nội Quyền, 2 tay thả lỏng tự nhiên

Đối phương tấn công: Đối phương đánh thẳng qua đấm vào thân thể ta hoặc đá Lạc Mã.

Ta sử dụng: Tay trái đỡ vẹt ra, rùn xuống thành Trung Bình Tấn, trong khi tay trái đỡ đòn tấn công của đối phương, tay phải đánh Thôi Sơn thẳng vào Đan Điền của đối phương

### ÂM DƯƠNG TƯƠNG KHẮC

**Huyết Khí-Huyết Trung**

**Khí Môn Huyết Uyển**

**Huyết Khí-Huyết Trung và Khí Môn Huyết Uyển:** Theo đồ hình về diện tiền huyết (các huyết ở trước mặt), thì 2 huyết này ở dưới 2 bên vú trái, phải.

Lúc giao đấu cần phải giữ cho 2 huyết này kín đáo vì khi bị đòn hiểm của đối phương đánh vào có thể nguy hiểm đến tính mạng. Vì vậy lúc giao đấu ta hay dùng tay điểm vào 2 huyết này.

Nếu đối phương tấn công ta ở mặt và đầu. Ta thụp người xuống theo Đinh Tấn, tay trái đánh vào "Khí Môn huyết Uyển", tay phải đánh vào "Huyết Khí Huyết Trung".



## TAY THẦN SƠN TRẢM MỘC đánh vào huyệt Huyền Cơ

Huyệt Huyền Cơ nằm dưới cạnh xương quai hàm bên trái - đó là tử huyệt. Khi giao đấu ta nên phòng thủ huyệt này.

Dùng Tay Thần Sơn Trảm Mộc để đánh vào huyệt Huyền Cơ.

Khi đối phương tấn công ta, ta đang ở vị thế Chân Nội Quyền và phản công bằng thế Thần Sơn Trảm Mộc.

Động tác: Chân Nội Quyền, rùn bộ xuống thấp. Tay trái đưa ra đỡ đòn tấn công của đối phương, tay phải tiến chém vào huyệt Huyền Cơ. Đó là cách đánh Thần Sơn Trảm Mộc.

## HỒI THỦ SONG CHÙY

Huyệt yếu điểm là huyệt Trung Uyển nằm ngay nơi tim.

Thế đánh Hồi Thủ Song Chùy, khi giao đấu với đối phương, bỗng nhiên bước chân trái ra trước, chân phải bỏ ra sau. Khi đối phương tiến tới vừa tầm, ta xoay người đánh nhanh dùng 2 quả đấm mốc lên Chấn Thủy của đối phương.

## ĐỒNG TỬ PHÁ THIÊN MÔN đánh vào huyệt Tịnh Bình

Huyệt Tịnh Bình nằm ở bên phải sườn non. Vì thế khi đối phương tấn công ta ở mạn phải, ta phải dùng tay che huyệt này

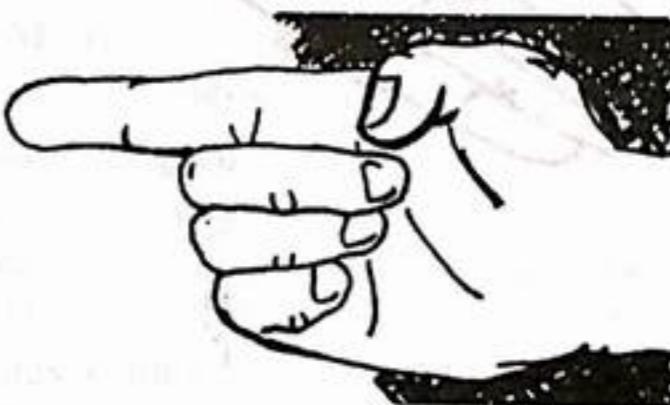
Thế đánh Đồng Tử Phá Thiên Môn là thế võ để thoát vòng vây khi bị đối phương bao quanh tấn công cùng 1 lúc

- Ta đưa chân trái ra phía trước, chân phải đưa ra sau rùn xuống, lòn chân phải và cả thân người đều ở dưới đòn tấn công của đối phương ở phía trước. Quay mặt giáp lưng đối phương và đấm vào huyệt Tịnh Bình của đối phương.

## NHẤT ĐIỂM THƯƠNG đánh vào huyệt Tiểu Trường

Thế võ này áp dụng như thế võ "Bình Sa Lạc Nhạn" biến thể mà ra, nhưng cách luyện tập thì khác.

Trong lúc tập luyện dùng ngón chân cái đá vào hình nhân trước mặt. Phải luyện tập cho cho ngón chân thật nhanh lẹ và chính xác (H.41).



Hình.41



## THÔI SƠN & PHẬT ẤN

### đánh vào huyệt Hùynh Phong Sào Nhĩ

Huyệt này nằm ở trong lỗ tai. Vì thế, lúc đánh vào huyệt này ta phải dùng 1 ngón tay theo lối Nhất Dương Chỉ, đôi khi dùng cạnh bàn tay mà điểm theo tay Cương Đao của thế Cương Đao Phật Mộc.

Tay Cương Đao: Đứng bộ Nội Quyền, co ngón tay cái vào lòng bàn tay, chém cạnh bàn tay xuống đối phương (H.42).



Hình.42

## TAY CƯƠNG ĐAO

### đánh vào huyệt Giá Lương

Huyệt Giá lương nằm giữa 2 chân mày, đó là huyệt rất nguy hiểm của cơ thể nên phải đề phòng.

Khi đối phương tấn công và để hở mặt, ta dùng cạnh tay chém vào ngay giữa trán chỗ giáp 2 chân mày (ta không nên đánh vào huyệt này vì có thể làm mất mạng đối phương).

## TIÊN CÔ GIẢI TỎA

Thế võ này đánh vào 2 huyệt Huyết Khí - Huyết Trung.

Thứ nhất đánh ngón trỏ tay phải vào cuốn bao tử của đối phương.

Thứ hai đánh tay Thôi Sơn vào Huyết khí Huyết Trung của đối phương.

Tiên Cô Giải Tỏa là dùng 2 tay xòe ra gạt 2 tay đối phương và đánh vào 2 huyệt trên.

## SONG PHI ĐOẠT MỆNH

Đá 1 lúc 2 chân vào người đối phương, áp dụng để công kích lúc đối phương không phòng thủ hoặc bị thất thế.

## ĐIỂM HUYỆT PHUNG XÍ PHÂN HUYỀN (Huyệt Tịnh Bình)

Dùng tay Đồng Tử Bá Quan Âm, bên trái điểm vào đó. Ta đứng chân phải trước khi đối phương đánh tới, ta xòe tay phải gạt tay đối phương qua, đứng theo Trung Bình Tấn, tay đấm vào huyệt Tịnh Bình để hạ đối phương. Có thể dùng tay Cương Đao Phật Mộc chém vào huyệt đó hoặc dùng cước đá ngược lên hay Bình Sa Lạc Ngạn để đá vào đối phương.



## ĐIỂM HUYỆT BIA CỐT

Huyệt này nằm dưới nách độ 1 tấc. Dùng tay Phật Thủ đánh vào, lúc đánh phải ra đòn thật nhanh và rút về thủ lại ở 2 bên nách ta.

Tay Phật Thủ: Rùn xuống Trung Bình Tấn, tay trái chấn đòn đá tối của đối phương, tay phải xòe ra dùng ức bàn đánh vào huyệt Bia Cốt (H.43).



Hình.43

## ĐIỂM HUYỆT THÁI TRUNG (Sơn Căn)

Huyệt này ở sống mũi. Dùng mu bàn tay hay ức bàn tay đánh thẳng vào huyệt ở sống mũi, sẽ làm đối phương bị tổn thương. Đánh vào huyệt này thì dùng thế miếng Mānh Hổ Ly Sơn.

## ĐIỂM HUYỆT NHƠN TRUNG

Huyệt Nhơn Trung nằm dưới mũi và môi trên. Dùng ngón tay trỏ đâm vào đó. Người bị đánh vào sẽ bị chảy máu không ngừng rất nguy hiểm.

### TAY THÔI SƠN

#### Dùng đánh vào huyệt Đan Diền

Đan Diền là huyệt đạo ẩn dưới rốn. Thường thì lúc vận công các võ sinh lấy khí vào Đan Diền để phổ khắc châu thân. Đánh vào Đan Diền như đánh vào huyệt đạo tối quan trọng, đánh vào chỗ hơi sức của đối phương (H.44).



Hình.44



## ĐIỂM HUYỆT TỊNH BÌNH

Dùng thế Bình Sa Lạc Nhạn để đánh vào huyệt đạo này khi đối phương từ xa nhảy tới tấn công ta.

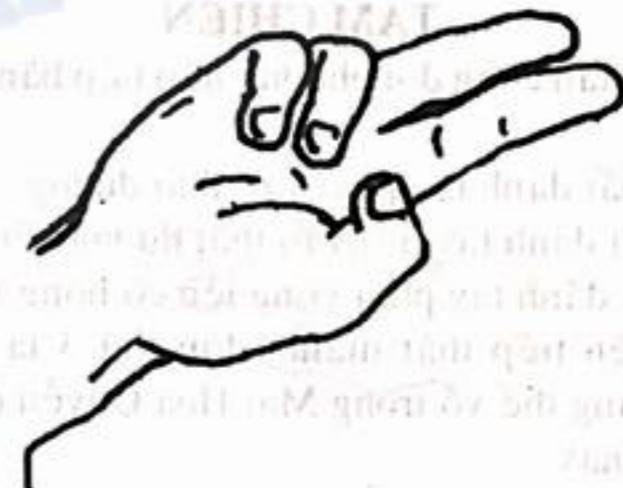
Đứng ở bộ chân Nội Quyền, bước chân trái qua trái một bộ, giữ thân thể vững chắc, nghiêng mình tung cước chân phải vào huyệt Tịnh Bình vào đối phương (H.45).



Hình.45

## ĐIỂM HUYỆT TIÊN NHƠN ĐQAT ẤN

Đây là huyệt tối nguy hiểm ở 2 bên nách, dùng tay xỉa vào hay đá vào đó. Khi bị đánh trúng huyệt này tứ chi bái hoái. Bởi vậy trong lúc giao đấu luôn luôn giữ 2 bên nách, không nên đấm thẳng tay quá đà, nếu về không kịp sẽ bị đối phương tấn công vào đó. Lúc đánh không nên đưa tay ra ngoài 2 cm. Nhất là các võ sư chuyên sử dụng Hầu Quyền, họ luôn khép kín nách và chỉ dùng thế uốn mình mà tiến đánh đối phương (H.46).



Hình.46



## ĐIỂM NHƠN KHÔNG (Đốn Lương Huyệt)

Đánh vào 2 huyệt này ở sau lưng tiếng Trung Hoa gọi là Đốn Lương huyệt và huyệt Nhơn Không ở gần xương sống. Dùng thế võ Đồng Tử Phá Thiên Môn đánh vào huyệt này.

## ĐIỂM HUYỆT THỔ TINH (Huyệt Thái Trung)

Khi đối phương đánh gấp, ta dùng cánh tay đánh xuống mũi đối phương nới huyệt Thổ Tinh.

Thổ tinh là huyệt nguy hiểm, vì thế cẩn thận để phòng lúc giao đấu.

## TAM CHIẾN

Nghĩa là tấn công đối phương liên tiếp bằng 3 quả đấm Thôi Sơn.

- Thứ nhất đánh tay phải vào thái dương.
- Thứ hai đánh tay trái vào thái dương bên kia.
- Thứ ba đánh tay phải vòng lên cổ họng đối phương.

Đánh liên tiếp thật mạnh, đòn thứ 3 là đòn hạ đối phương. Dùng thế võ trong Mai Hoa Quyền để thực hiện phép đánh này.

## SONG CHỈ ĐIỂM HUYỆT (Phụng Bát)

Hai bên vai có 2 cái hang đó là 2 huyệt Phụng Bát. Dùng 2 ngón tay trỏ và giữa, lúc cận chiến với đối phương thì đánh thật mạnh vào 2 huyệt ấy (H.47).



Hình.47



## ĐIỂM HẬU CỐT

Hậu Cốt là 1 huyệt rất nguy hiểm ở đỉnh đầu, bị đánh vào đó có thể dẫn đến cơ thể bất toại.

Dùng thế Thần Sơn Trảm Mộc để đánh vào huyệt này. Khi đối phương tấn công ta bằng tay trái, ta dùng tay phải đỡ và dùng tay trái đánh vào huyệt này.

## ĐIỂM MA CỐT

Huyệt Ma Cốt ở về đùi bên trái. Dùng tay Ưng Trảo Công mà đánh vào huyệt này.

## ĐIỂM ÂM DƯƠNG THƯƠNG

Tay để điểm Âm Dương Thương là dùng 2 quả đấm. Tay ta đánh chập vào 2 bên màng tang của đối phương, hay là 2 bên Thái Dương.

## ĐIỂM PHƯƠNG HUYỆT BIA

### (Huyệt Quái Bảng)

Hai huyệt này nằm ở cạnh sườn, điểm bằng tay hay bằng gót chân, cạnh bàn chân theo thế Song Cước.

Chân cước: Ta đứng bộ Nội Quyền, khi đối phương nhảy tới tấn công, ta bỏ chân ra sau và đá vào huyệt Quái Bảng.

## ĐIỂM HUYỆT TỊNH BÌNH

Ta điểm huyệt Tịnh Bình bằng thế Bình Sa Lạc Nhạn cũng có thể đá bằng thế Lạc Mã là xoay mình tránh đòn và đá gót chân vào yếu huyệt của đối phương.

Còn rất nhiều cách đánh khác tùy theo từng người lúc giao đấu.

## HUYỆT THIÊN BÌNH TRÂM

Thiên Bình Trâm là huyệt đạo nằm ngay giữa ngực. Ta dùng thế Mānh Hổ Ly Sơn để tấn công vào huyệt này.

## PHÂN THỂ TƯỚNG QUÂN BÁI TỔ

Ta tấn công đối phương bằng một thế nhảy vọt lên cao, tay trái xòe ra chém vào giữa đỉnh đầu đối phương, khi đối phương đưa tay đỡ thì tay trái ta đánh vào giữa nách khóa cho cánh tay trái đó đưa lên, tay phải ta thu về và đánh vào yếu huyệt khác của đối phương.

## HUYỆT TRUNG UYỂN

Huyệt Trung Uyển: nằm giữa chỗ trũng giữa ngực, hai huyệt 2 bên là Huyệt Khí - Huyệt Trung Khí Môn Huyết Uyển. Cả 3 huyệt này có huyệt Trung Uyển là tối nguy hiểm. Ta dùng thế Ma Vương Trá Tẩu, khi đối phương tấn công dồn dập, ta buông mình chống 2 tay xuống đất, khi đối phương vừa tầm ta liền phóng gót chân vào huyệt đạo trên. Xong tung luôn cước chân kia sẽ làm đối phương loạng choạng. Thế này gọi là Ma Vương Trá Tẩu.

## ĐIỂM PHONG MÔN

Huyệt này là tử huyệt, cho nên ta không nên dùng để hạ đối phương. Huyệt Phong Môn ít khi bị hở ra, chỉ khi nào đối phương xoay người ra sau lưng.

## ĐIỂM VÀO HUYỆT CỐ ĐUÔI

Huyệt này cùng các huyệt như Đà Cốt, Nhơn Không gần nhau đều ở lưng, nếu đánh vào sẽ bị động phổi.

Khi đối phương tấn công tới ta nhảy sang bên phải, nếu chân phải ở trước (hoặc ngược lại), tay ta dùng khoát bàn tay đánh vào ngực làm đối phương ngã xuống, đánh tay phải móc từ dưới lên.



## ĐIỂM CẨU CỐT

Dùng tay hoặc vào chân nhấp vào xương sống đốt phong. Cẩu Cốt là do 9 đốt xương kết lại.

### SONG CHỈ CẦM LONG

Luyện tay Lợn Trảo và tay Hầu Thủ cho những ngón tay thật cứng chắc. Lúc giao đấu chỉ dùng Song Chỉ điểm vào huyệt Khí Môn Huyết Uyển của đối phong.

### KIM ĐẢO TIỀN PHÁP I

Thế Kim Đảo Tiền, khi đối mặt với đối phong. Chân trái bỏ ra (Đinh Tấn) rùn xuống, chân phải thẳng ra sau, mình đứng thẳng. Hai tay bắt chéo ở cùm tay như cây kéo. Khi đối phong tấn công vào mặt ta, tay phải, trái nắm lấy tay đối phong về phía mình, dùng cạnh bàn tay trái chém vào huyệt Khí Môn Huyết Trung.

### KIM ĐẢO TIỀN PHÁP II

Tể huyệt ở phía cuốn rún, hai bên có hai tử huyệt rất nguy hiểm là: Phụng Xí Phân Huyền bên phải và Tịnh Bình bên trái. Nếu đối phong tấn công, ta chap 2 tay lại, tay phải nắm cùm tay đối phong kéo giật mạnh làm cho đối phong mất đà, gối ta lập tức đá thốc tới vào Tể huyệt đối phong.

### KIM ĐẢO TIỀN PHÁP III

Huyệt: Bối Lâu - Dốn Lương - Đồng Hồ - Thương Lâu, 4 huyệt này nằm sau lưng dài theo Cẩu cốt, xương sống. Những huyệt này thường bị điểm bằng chỏ. Sau khi đối phong bị 1 gối vào Tể huyệt thì gật người xuống, tiếp đó ta đánh chỏ vào 4 huyệt trên.

## ĐƠN PHÁP HOA

Huyệt Kiên Tuấn (Huyền Cơ) là 2 huyệt rất nguy hiểm nằm ở cạnh hàm trái. Thường muốn đánh vào 2 huyệt này thì ta phải luyện cho chân tay thật rắn chắc.

Đơn Pháp Hoa là thế có bộ pháp: Xuống thân pháp thủ pháp thành Trung Bình Tấn. Tay trái che hạ bộ, tay phải co cạnh sườn đấm ra. Lúc đánh ra phải nhấp vào huyệt Kiên Tuấn thì mới làm đối phong ngã được.

### ĐIỂM QUÝ NHÂN

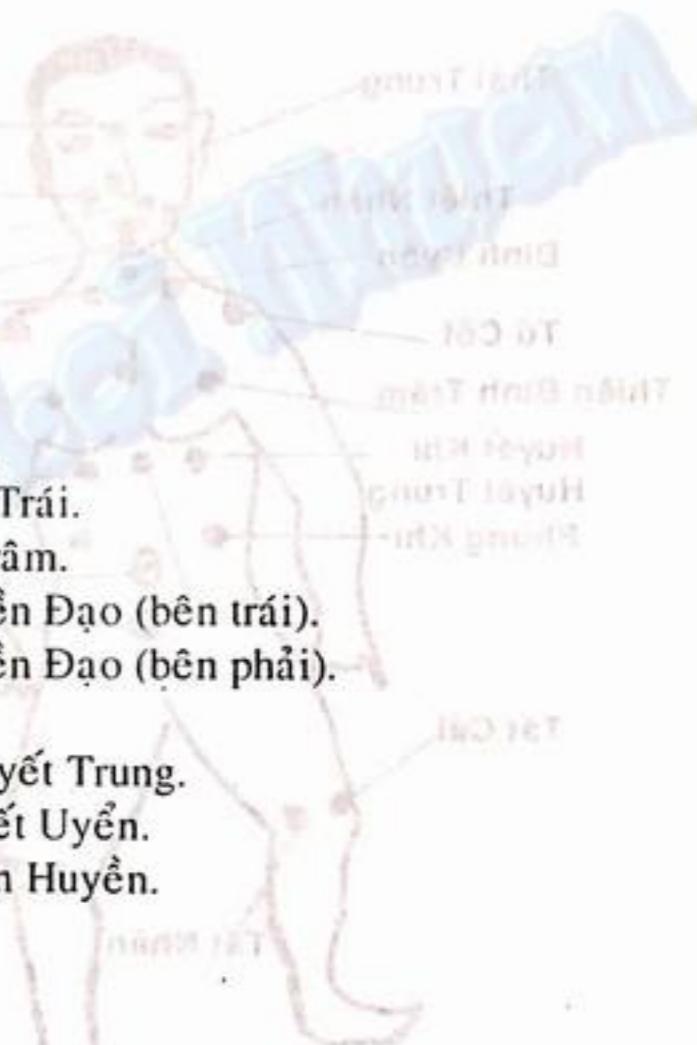
Quý Nhân là huyệt ở mắt gối, khi ta đánh vào huyệt này thì làm cho thân pháp và bộ pháp của đối phong bị tê liệt. Khi đối phong tấn tới ta dùng thế Thần Cung Sạ Hứa Điền, tay phải chặn xuống. Chân tạo thành Đinh Tấn, thân phải lùi về sau, chân phải đứng trước (hoặc chân trái) phóng gót bàn chân vào huyệt Quý Nhân.



## CHƯƠNG IV ĐỒ HÌNH HUYỆT ĐẠO THEO ATÉMIS - JUTITSU

### CÁC HUYỆT Ở PHÍA MẶT

- 1) Giá Lương (giữa 2 chân mày).
  - 2) Thái Trung.
  - 3) Nha Bối.
  - 4) Yên Không.
  - 5) Nhã Tư.
  - 6) Thiệt Nhân.
  - 7) Nhân Hầu.
  - 8) Phụng Bát.
  - 9) Dính Quyển.
  - 10) Đồng Tử Cốt.
  - 11) Đồng Tử Cốt Trái.
  - 12) Thiên Bình Trâm.
  - 13) Nhị Tiên truyền Đạo (bên trái).
  - 14) Nhị Tiên truyền Đạo (bên phải).
  - 15) Trung Uyển.
  - 16) Huyệt Khí Huyết Trung.
  - 17) Khí Môn Huyết Uyển.
  - 18) Phụng Ví Phân Huyễn.
  - 19) Tịnh Bình.
  - 20) Tể Huyết.
  - 21) Tiểu Trường.
  - 22) Tất Cái (phải và trái).
  - 23) Tất Nhấn.
  - 24) Tất Nhấn.
- (H.48)





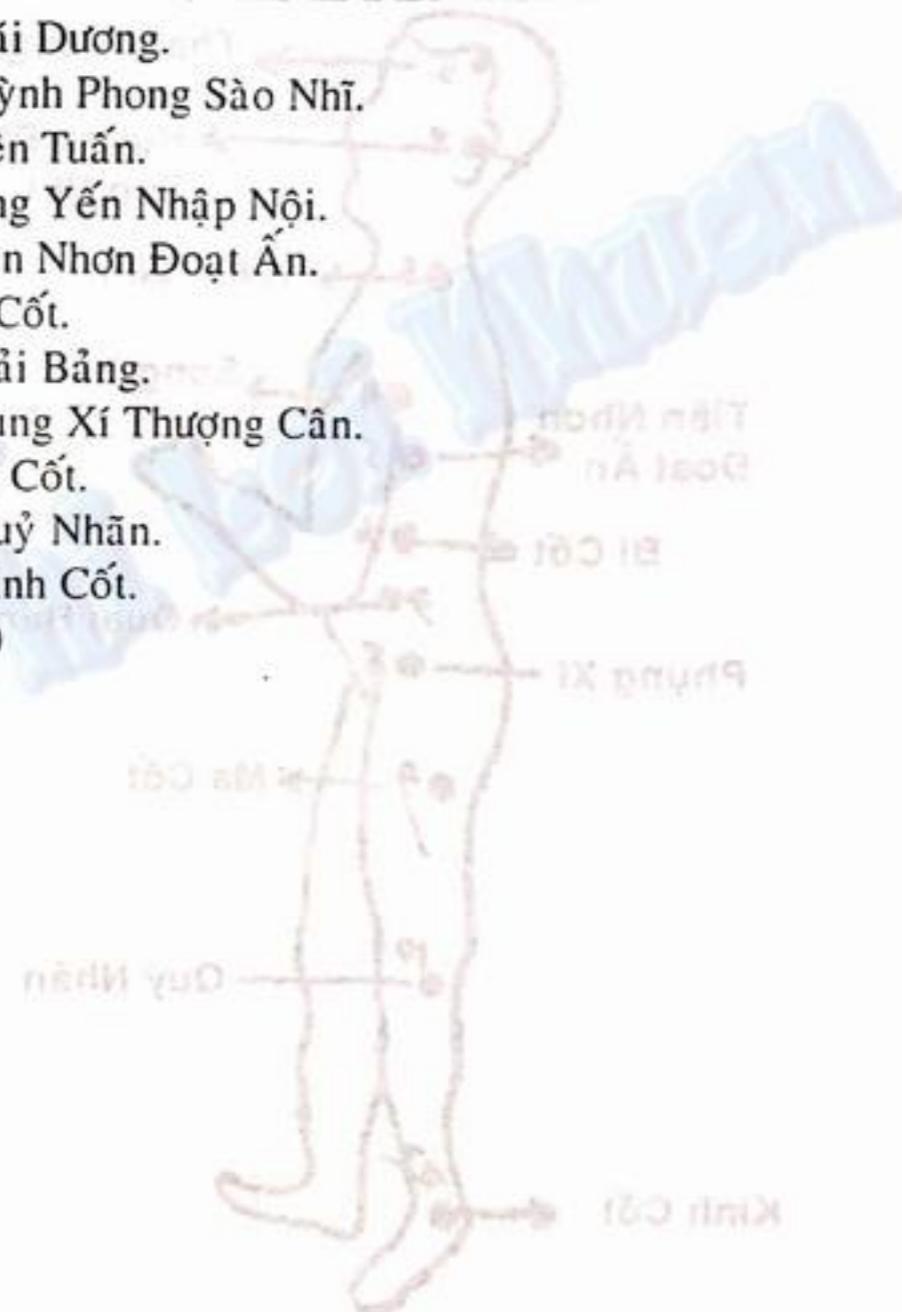
## TÂM ÂM HỌA TÍNH HÌNH



Hình.48

## ĐỒ HÌNH BÊN PHẢI

- 1) Thái Dương.
  - 2) Huỳnh Phong Sào Nhĩ.
  - 3) Kiên Tuấn.
  - 4) Song Yến Nhập Nội.
  - 5) Tiên Nhơn Đoạt Ẩn.
  - 6) Bi Cốt.
  - 7) Quải Bảng.
  - 8) Phụng Xí Thượng Cân.
  - 9) Ma Cốt.
  - 10) Quý Nhã.
  - 11) Kinh Cốt.
- (H.49)





Hình.49

## ĐỒ HÌNH BÊN TRÁI

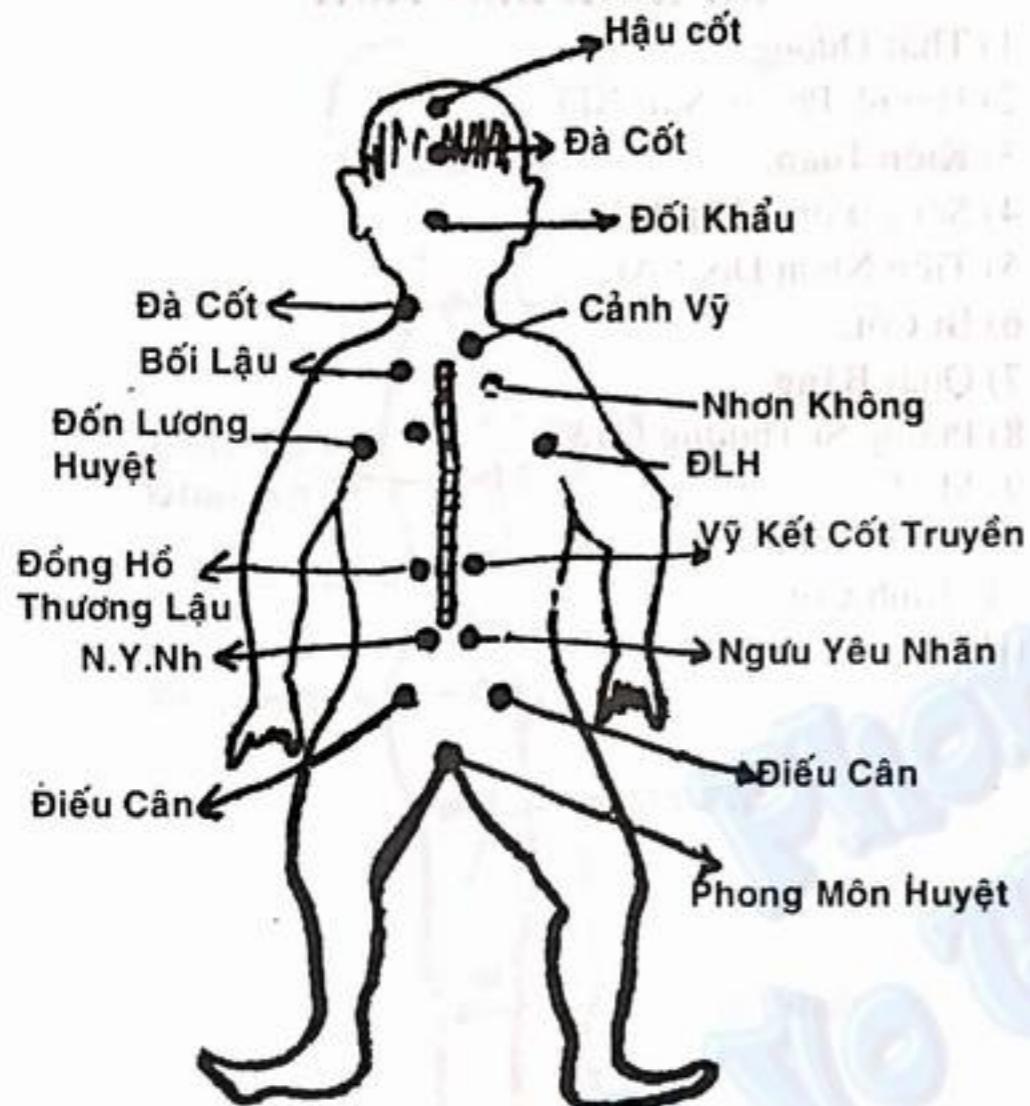
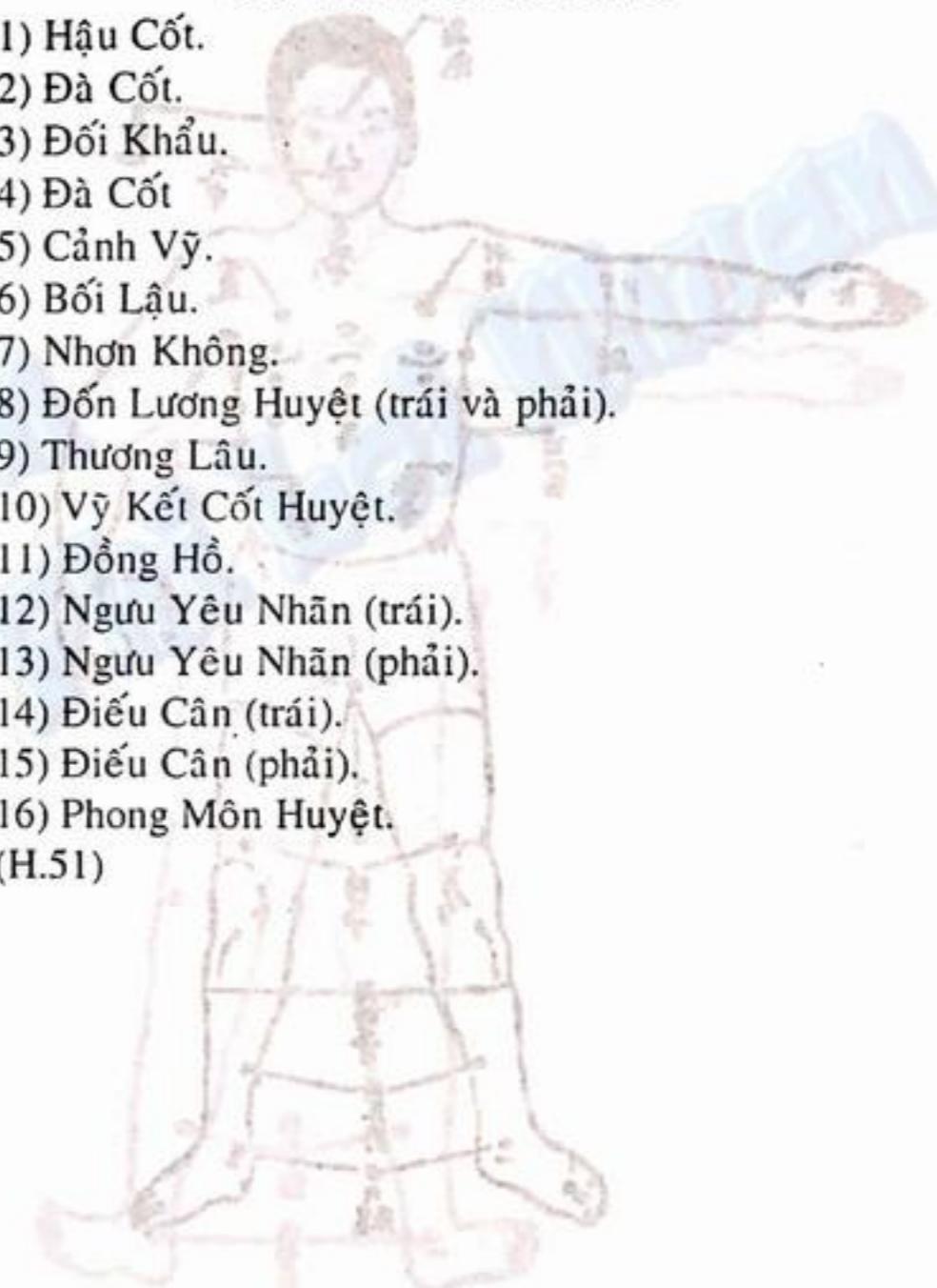
- 1) Thái Dương.
  - 2) Huỳnh Phong Sào Nhĩ.
  - 3) Kiên Tuần.
  - 4) Song Yếu Nhập Động.
  - 5) Tiên Nhơn Đoạt Ân.
  - 6) Bi Cốt.
  - 7) Quái Bảng.
  - 8) Phụng Sí Thượng Cân.
  - 9) Ma Cốt.
  - 10) Quỷ Nhân.
  - 11) Kinh Cốt.
- (H.50)



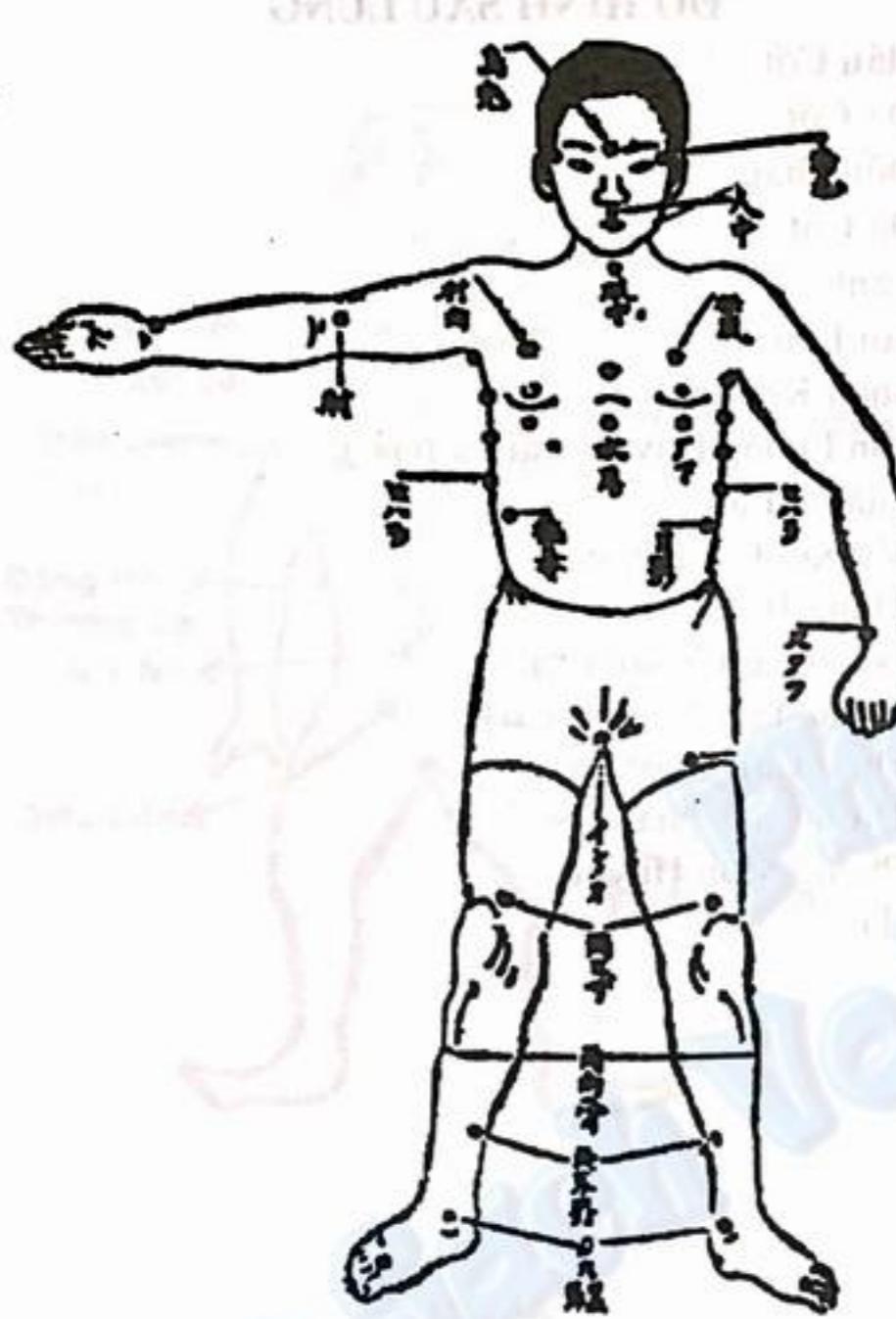


## ĐỒ HÌNH SAU LUNG

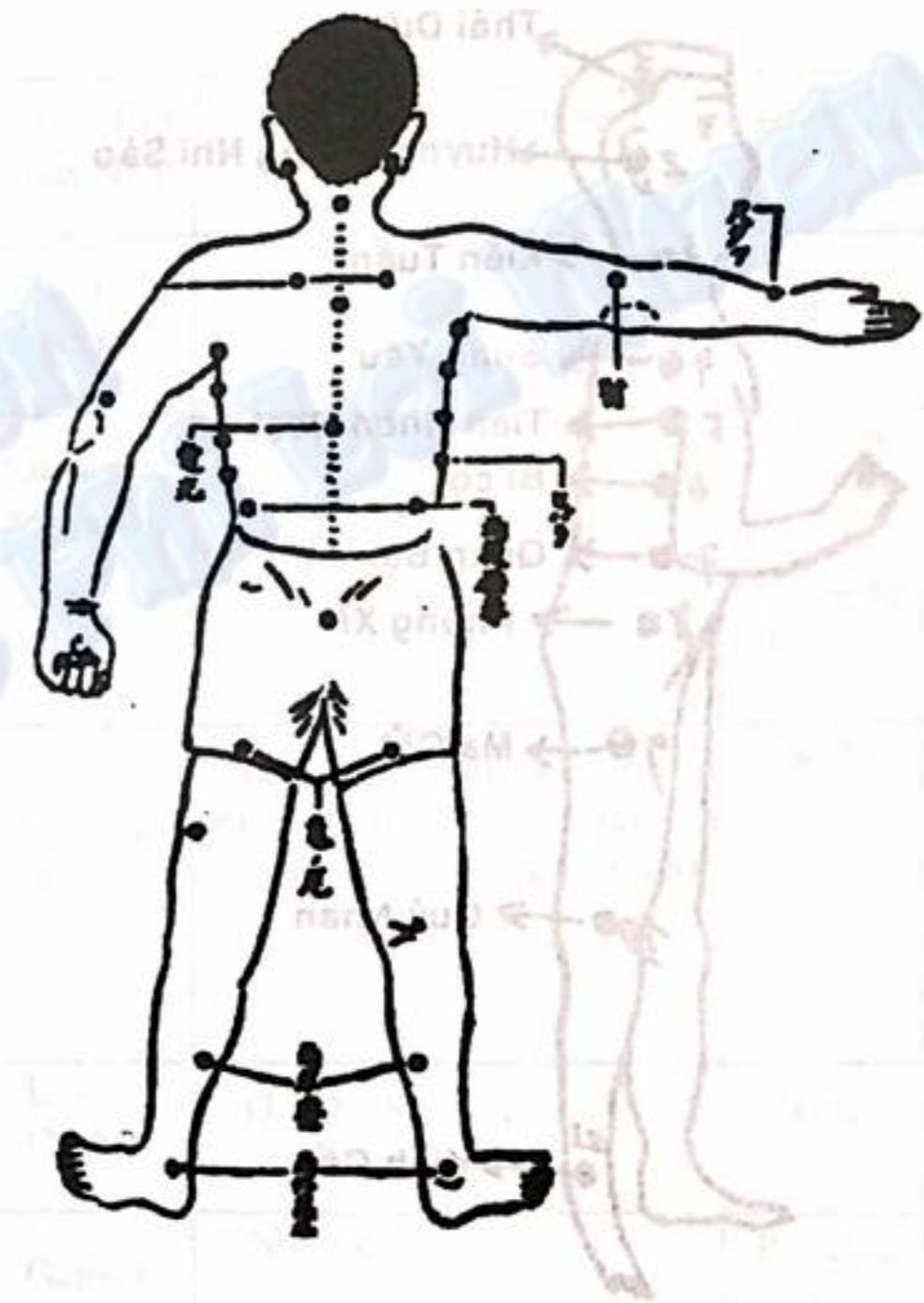
- 1) Hậu Cốt.
  - 2) Đà Cốt.
  - 3) Đối Khẩu.
  - 4) Đà Cốt
  - 5) Cảnh Vỹ.
  - 6) Bối Lậu.
  - 7) Nhơn Không.
  - 8) Đốn Lương Huyệt (trái và phải).
  - 9) Thương Lâu.
  - 10) Vỹ Kết Cốt Huyệt.
  - 11) Đồng Hồ.
  - 12) Ngưu Yêu Nhân (trái).
  - 13) Ngưu Yêu Nhân (phải).
  - 14) Điều Cân (trái).
  - 15) Điều Cân (phải).
  - 16) Phong Môn Huyệt.
- (H.51)



Hình.50

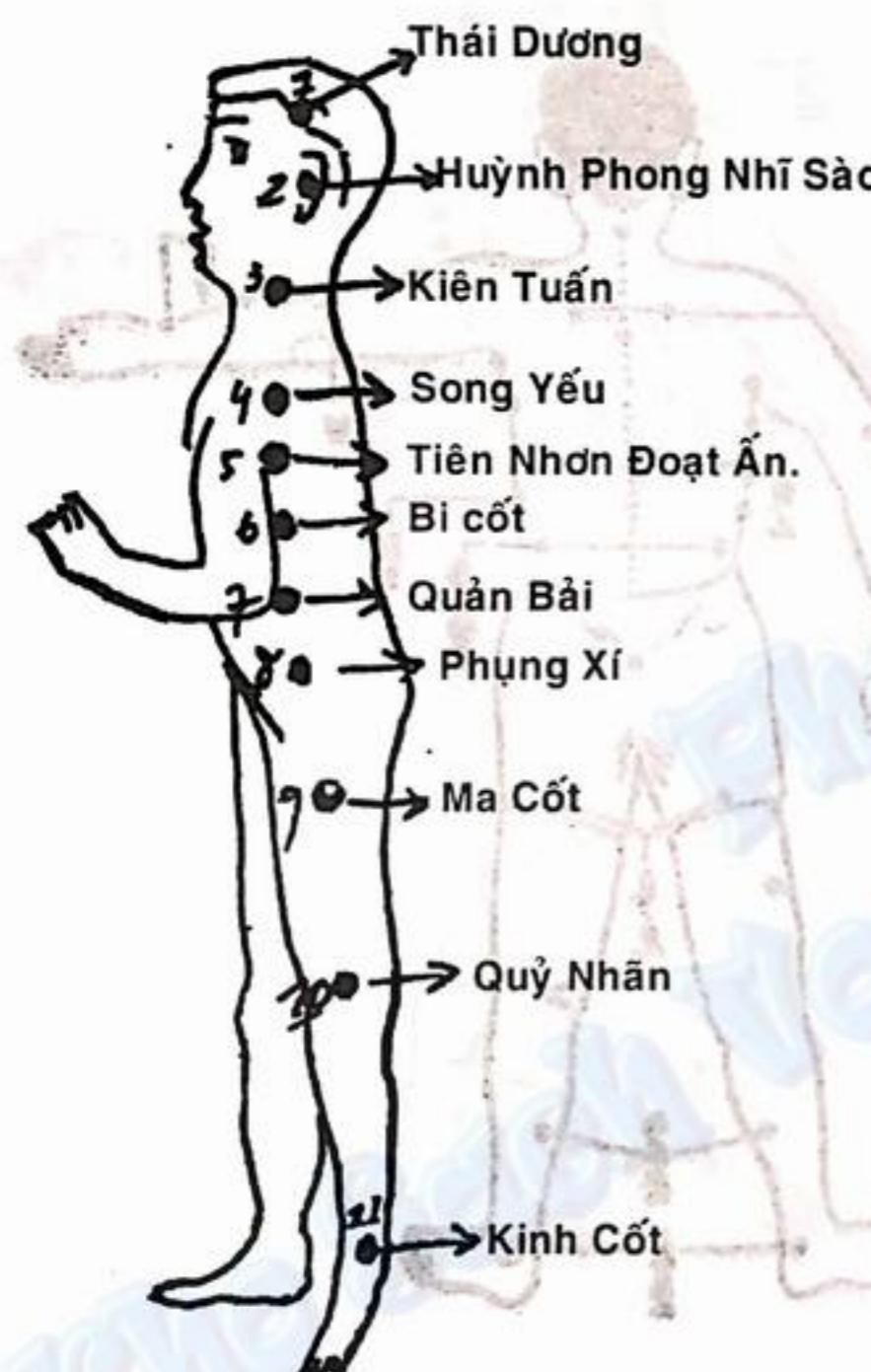


Hinh.51



Hinh.52

## CÁC HUYỆT TRƯỚC MẶT



Hình.53

| Tên T.Q<br>hay Nhật    | Vị trí trên cơ thể   | Hiệu quả   |
|------------------------|--|--|
| Tento<br>(Nhật)        | Mõ ác  | Chết   |
| Liu Tari<br>Kusagakuré | Phía tên Đồng Tử, cách<br>Đồng tử bằng ba lần rưỡi chiều<br>dài của mắt.                         | Tê liệt<br>1 lúc bộ<br>phận cổ<br>thể tương<br>ứng |
| Sei -Un<br>(Nhật)      | Ở giữa vành mắt bên trái và<br>bên dưới mắt phải và trái, nơi<br>các dây thần kinh trên và dưới. | Ngất   |
| Uta<br>(Nhật)          | Ở giữa đôi mày.  | Chết   |
| Gansei<br>(Nhật)       | Nhān Cầu.  | Rất đau<br>và ngất                                 |
| Kesumi<br>(Nhật)       | Điểm ở phía trước và trên<br>vành tai (Thái Dương).  | Chết   |



|                                     |   |                    |
|-------------------------------------|---|--------------------|
| El-Menn<br>(TQ)                     | Điểm phía dưới tai và bên<br>Thái Dương.                                | Đau<br>và ngất     |
| Jin-Chu<br>(Nhật)                   | Đường rãnh dưới mũi trên<br>miệng (Nhân Trung)                          | Chết               |
| Kokon<br>Tchieng-<br>Tsiong<br>(TQ) | Ngay dưới môi dưới.   | Ngất               |
| Kachicake<br>(Nhật)                 | Trên cuống họng Yết Hầu.  | Chết               |
| Murasamé<br>(Nhật)                  | Phía trên động mạch cổ.   | Đau                |
| Tsien<br>Tsing<br>(TQ)              | Hai bên cổ, bên trên và<br>ngoài cơ hình thang                          | Rất đau<br>và ngất |
| San-Ming<br>(TQ)                    | Cầm.  | Ngất               |
| T'ieun-<br>Trou<br>(TQ)             | Ở 2 bên cổ, giữa 2 xương<br>đòn gánh.                                   | Chết               |
| Tran-<br>Tchong<br>(TQ)             | Đoạn dưới xương mỏ<br>ác, cách điểm tận cùng của<br>xương khoảng 10 cm. | Chết               |

|                         |  |                    |
|-------------------------|--|--------------------|
| Matsukazé<br>(Nhật)     | Ở giữa cơ cổ, phía bên<br>phải trên động mạch cổ   | Ngất<br>Chết       |
| Shikon<br>(Nhật)        | Điểm gần sát vú bên phải<br>và trái.               | Đau<br>ngất        |
| Siong-<br>Siong<br>(TQ) | Bên ngoài cơ ngực phải,<br>trái cạnh nách          | Ngất               |
| Gameluc<br>(Nhật)       | Điểm bên dưới vú phải và<br>trái.                  | Ngất               |
| Ta-Pao<br>(TQ)          | Ở phía dưới ngực, gần nách<br>trái và phải         | Đau                |
| Kyo-Ei<br>(Nhật)        | Dưới vú giữa 2 xương sườn<br>trái và phải          | Rất đau<br>và ngất |
| Tsion-Oé<br>(TQ)        | Cách điểm tận cùng của<br>xương mỏ ác khoảng 2 cm. | Chết               |
| Kyosen<br>(Nhật)        | Điểm tận cùng của xương<br>mỏ ác.                  | Ngất               |
| Singetsu<br>(Nhật)      | Cách điểm Kyosen khoảng<br>5 cm                    | Ngất               |

|                      |   |                          |
|----------------------|---|--------------------------|
| Denko<br>(Nhật)      | Trên tuyến vú bên hông phải, trái gần xương sườn.                             | Ngất                     |
| Inazuma<br>(Nhật)    | Cách điểm Denko, phía dưới khoảng 5 cm.                                       | Đau                      |
| Tchéou-Tsiao<br>(TQ) | Khuỷu tay trái và phải, cách cơ nhị đầu khoảng 5 cm.                          | Ngất                     |
| Senn-Li<br>(TQ)      | Điểm ở bên dưới điểm To'ion-Tsré ở phía bên ngoài cách điểm trên khoảng 5 cm. | Đau và tê liệt tạm thời. |
| Tsion<br>(TQ)        | Chỗ gấp của cánh tay trái và phải   | Đau                      |
| Tendo<br>(Nhật)      | Dưới rốn khoảng 3 cm  | Ngất                     |
| NaiShoko<br>(Nhật)   | Ở cổ tay chỗ thường hay bắt mạch  | Đau<br>Ngất              |
| Lao-Kong<br>(TQ)     | Điểm giữa lòng bàn tay  | Ngất                     |
| Yoko<br>(Nhật)       | Ở 2 háng cách bộ phận sinh dục khoảng 3 cm trên dây chằng tinh hoàn.          | Ngất                     |

|                            |  |              |
|----------------------------|--|--------------|
| Kin-téki<br>(Nhật)         | Trên tinh hoàn                               | Ngất         |
| Fou-Trou<br>(TQ)           | Ở hai bên đùi.                               | Đau          |
| Lung-Che<br>(TQ)           | Ở đùi phía trong cách tinh hoàn khoảng 10 cm | Ngất         |
| Ou-Li<br>(TQ)              | Ở dưới điểm Lang Che khoảng 10 m.            | Ngất         |
| Sann-Inu<br>(Nhật)         | Ở bên trong xương ống quyển                  | Đau          |
| Tendo<br>(Nhật)            | Dưới rốn khoảng 3 cm                         | Tê liệt chân |
| Shisu<br>Kwanstu<br>(Nhật) | Dưới mép xương bánh chè                      | Đau<br>Ngất  |
| Ko-Kotsu<br>(Nhật)         | Ở xương ống quyển dưới đầu gối khoảng 15 cm  | Ngất         |
| Tsiao<br>(TQ)              | Mắt cá chân khoảng chiều dài 1 bàn tay       | Ngất         |

**CÁC HUYỆT PHÍA SAU**

|                   |  |             |
|-------------------|--|-------------|
| Nai-Kwa<br>(Nhật) | Ở mắt cá chân phía trong                           | Ngất<br>Đau |
| Kori<br>(Nhật)    | Điểm cao nhất của sống bàn chân                    | Ngất        |
| So-In<br>(Nhật)   | Ở dưới bàn chân nhưng phía dưới bên ngoài của chân | Ngất        |

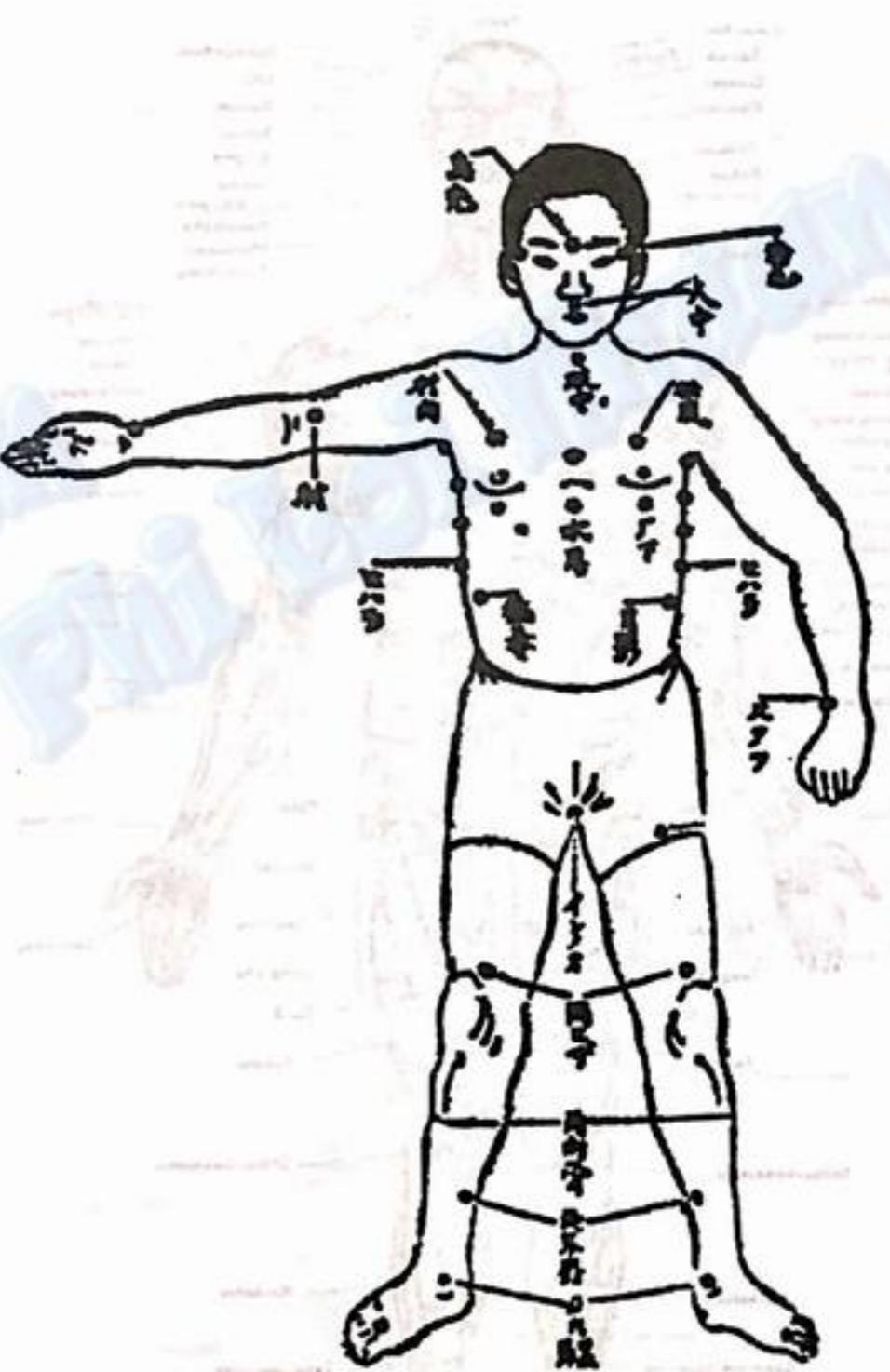
(H.54)

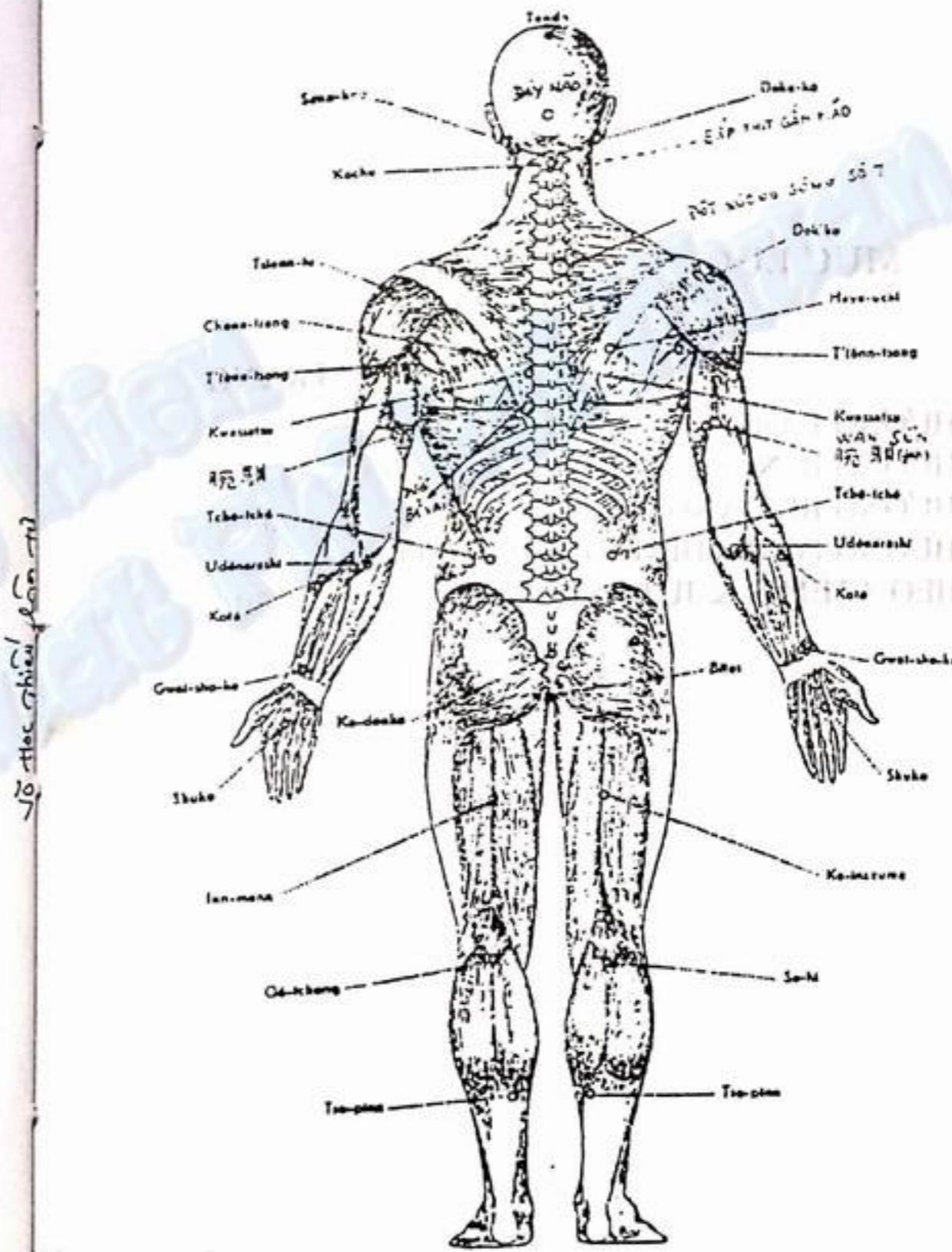
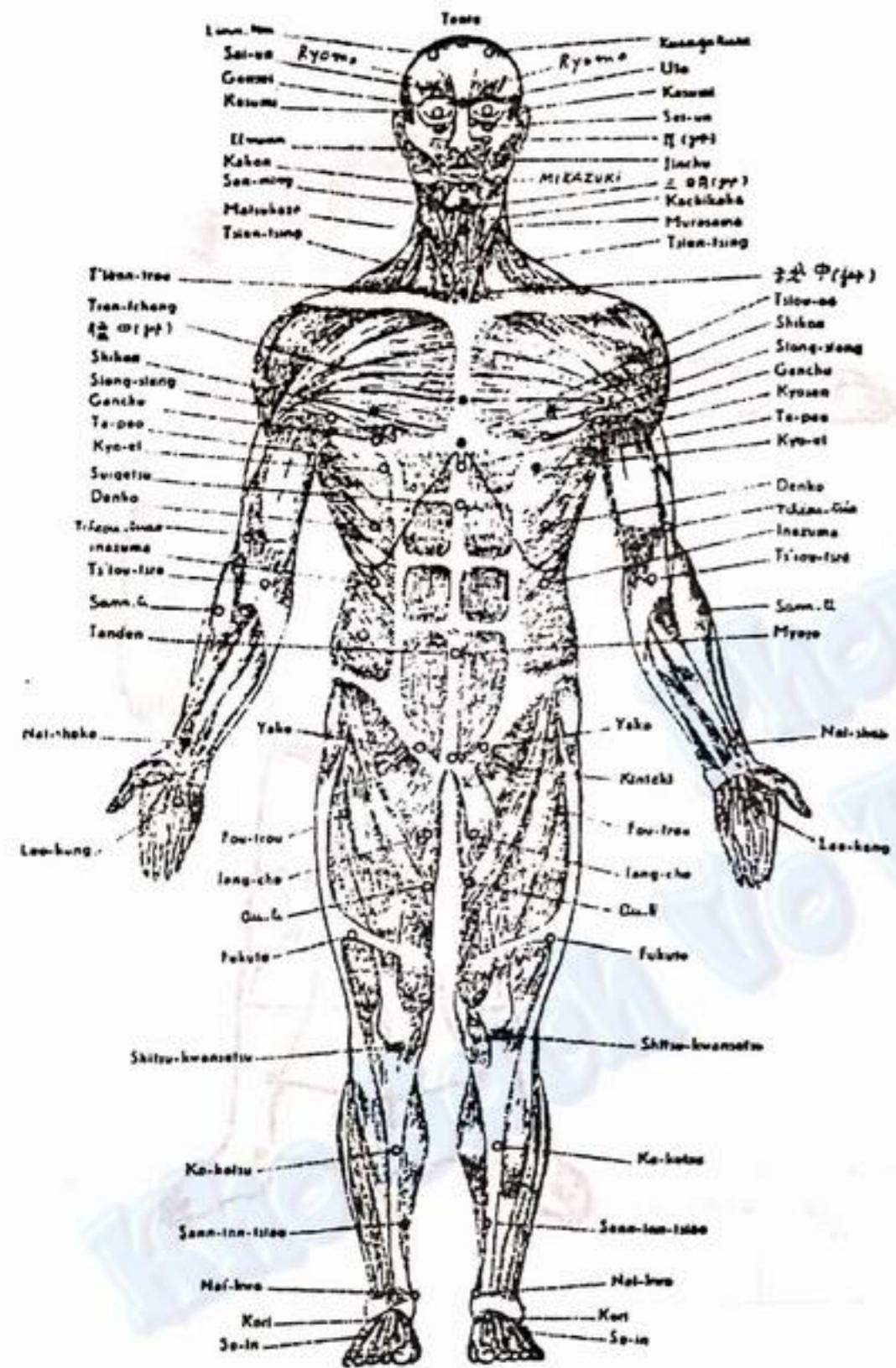
| Tên T.Q<br>hay Nhật       | Vị trí trên cơ thể                                  | Hiệu quả           |
|---------------------------|---|--------------------|
| Tendo<br>(Nhật)           | Trên đỉnh đầu                                       | Chết               |
| Doku<br>Sann-Ku<br>(Nhật) | Dưới dáy tai, cạnh góc của xương quai hàm           | Ngất               |
| Kochu<br>(Nhật)           | Sau gáy   | Ngất               |
| He ye<br>Uchi<br>(Nhật)   | Bên trong xương bả vai                              | Ngất               |
| T'ien-n<br>Tsong<br>(TQ)  | Gần xương bả vai gần nách                           | Rất đau<br>và ngất |
| Kwatsetsu<br>(Nhật)       | Ở dốt xương sống cổ 5 và đốt thứ 6                  | Ngất               |
| Tché-Tché<br>(TQ)         | Ở 2 bên hông, cách đốt xương sống thứ 3 khoảng 6 cm | Ngất               |



|   |  |                               |
|---|--|-------------------------------|
| Udenara<br>shi(Nhật)                    | Ở trên mấu đầu khuỷu tay                       | Ngất                          |
| Katé<br>(Nhật)                          | Gần khuỷu tay phía bên<br>ngoài                | Ngất                          |
| Gwai-sho<br>-do<br>(Nhật)               | Trên cổ tay trên đối diện với<br>bên bắt mạch. | Ngất<br>hoặc liệt<br>cánh tay |
| Shuko<br>(Nhật)                         | Ở chính giữa lưng bàn tay                      | Ngất                          |
| Ko-Denko<br>(Nhật)                      | Phía cuối của cột sống                         | Ngất                          |
| Bitai<br>(Nhật)                         | Vùng xương cụt                                 | Chết                          |
| KoInazuma<br>(Nhật)<br>Iun-Menn<br>(TQ) | Phía sau đùi và giữa đùi                       | Ngất<br>hoặc liệt<br>chân     |
| Sohi<br>(Nhật)                          | Giữa eo gối.                                   | Ngất                          |
| TsoPinn<br>(Nhật)                       | Ở dưới bắp chân về phía<br>trong.              | Ngất                          |

(H.55)







## MỤC LỤC

### TRANG

|   |    |
|---|----|
| CHƯƠNG I: QUYỀN PHÁP.....                                   | 7  |
| CHƯƠNG II: NHỮNG THẾ VÕ CHIẾ ĐẤU... ..                      | 13 |
| CHƯƠNG III: ĐÁNH ĐIỂM HUYỆT.....                            | 54 |
| CHƯƠNG IV: ĐỒ HÌNH HUYỆT ĐẠO<br>THEO ATÉMIS & JUTITSU ..... | 70 |